

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

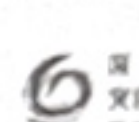
Date
24-07Group
G10
Round
9
Board
1

12=95

WHITE			FED			RESULT (W)		
Zhu, Jiahe			CHN			1/2		
BLACK			FED			RESULT (B)		
Luu Minh Trang			VIE			1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qxe3	Qc7	41	Qe2	
2	c4	e6	22	Rac1	Rac8	42		
3	g3	Nf6	23	Rxc6	Qxc6	43		
4	Bg2	Be7	24	Qd4	Nf8	44		
5	Nf3	O-O	25	a3	Qc2	45		
6	O-O	c6	26	Rd2	Qb3	46		
7	Qc2	b6	27	Qd3	Qa4	47		
8	Nbd2	Bb7	28	Qf1	h6	48		
9	Rd1	Nbd7	29	Qg1	Qc4	49		
10	e4	dxc4	30	Qf1	Qc5	50		
11	Nxc4	c5	31	Qd1	Kh7	51		
12	Ne5	cx4	32	Bf1	Ng6	52		
13	Rxd4	Bc5	33	Bd3	Qb6	53		
14	Rd1	Rc8	34	Be2	Rc5	54		
15	Qa4	a6	35	Rc2	Rxc2	55		
16	Nxd7	b5	36	Qxc2	Qd4	56		
17	Qb3	Nxd7	37	Kg2	e5	57		
18	Ne5	Bc6	38	a4	Qb4	58		
19	Nxc6	Rxc6	39	axb5	axb5	59		
20	Be3	Bxe3	40	Bd3	f6	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Jiahe			Trang			Jiahe		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
7-24Group
G10
Round
9
Board
1

12=95

WHITE			Zhu Jiahe			FED		CHN		RESULT (W)		0.5		
BLACK			Luu Minh Trang			FED		VIE		RESULT (B)		0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re3	Qc7	41	Qe2							
2	c4	e6	22	Rac1	Rc8	42								
3	g3	Nf6	23	Rcb	Qcb	43								
4	Bg2	Be7	24	Qd4	Nf8	44								
5	Nf3	O-O	25	a3	Qc2	45								
6	O-O	c6	26	Rd2	Qb3	46								
7	Qc2	b6	27	Qd3	Qa2	47								
8	Nbd2	Bb7	28	Qf1	h6	48								
9	Rd1	Nbd7	29	Qd1	Qc4	49								
10	e4	dc	30	Qf1	Qc5	50								
11	Nc4	c5	31	Qd1	Kh7	51								
12	Nfe5	cd	32	Bf1	Ng6	52								
13	Rd4	Bc5	33	Re3	Qb6	53								
14	Rd1	Rc8	34	Re2	Rc5	54								
15	Qa4	ab	35	Rc2	Rc2	55								
16	Nd7	b5	36	Qc2	Qd4	56								
17	Qb3	Nd7	37	Qc2	e5	57								
18	Ne5	Rcb	38	a4	Qd4	58								
19	Ncb	Rcb	39	ab	ab	59								
20	Re3	Re3	40	Bd3	f6	60								
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)								
Zhu Jiahe			Trang			Jiahe								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G10
Round 9
Date 7/24 Board 2

WHITE Nguyen Vu Bao Chau FED VIE RESULT (W) 1
BLACK Rakhmonova Mokhjakhon FED UZB RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f4	c5	41	Ke3	Qe1
2	Bf4	c5	22	g3	f6	42	Kd3	Qa1
3	e3	Nc6	23	Kg2	Qb7	43	Rc3	Ba2
4	c3	Nf6	24	f5	Bf7	44	Aa2 Nd2	Bf7
5	Nd2	Bf5	25	Qa5	e8	45	Ne4	Bg8
6	Qb3	Qc8	26	g8	Qa7	46	K-Kd4	Qd1
7	Ng8	cd	27	Qc3	h6	47	Kc5	Qb5
8	cd	Nh5	28	Bb3	cd	48	Kd4	h5
9	Bg3	e6	29	Qc8	Rc8	49	g5	Qe5
10	Rc1	Ng3	30	Rc6	Kh7	50	Kc4	Bf7
11	h3	ab	31	ed	Qe3	51	Kd3	Qf3
12	Ne5	Bd6	32	Rf2	Qd4	52	Ke3	fg
13	Nc6	bc	33	b4	Qe5	53	Rc5	Qf4
14	Qa4	O-O	34	g4	Qg3	54	Ke2	Qh2
15	Be2	Qb7	35	Kf1	Bf Bf4	55	Ke3	Qg1
16	Qb3	Qd7	36	Rc2	d4	56	Ke2	Bb3
17	Qc3	Rb8	37	Ne4	Qh3	57	Nb5	h6
18	O-O	Rab8	38	Ke2	Be3	58	Kd3	Qb1
19	q3	q5	39	Rf1	d3	59	Ke3	Qe1
20	g4	Ba6	40	Kb3	Qd1	60	Kd3	Qb1

SIGNATURE (WHITE) Chau SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G10
Round 9
Date 23/7 Board 2

WHITE Nguyen Vu Bao Chau FED VIE RESULT (W) 1
BLACK Rakhmonova Mokhjakhon FED UZB RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke3	Bd1	21			41		
2	Nf3		22			42		
3			23			43		
4			24			44		
5			25			45		
6			26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE) Chau SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G10
Round 9
Date 24/7 Board 2

WHITE Nguyen Vu Bao Chau FED VIE RESULT (W) 1
BLACK Rakhmonova Mokhjakhon FED UZB RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f4	c5	41	Ke3	Qd1
2	Cf4	c5	22	g3	f6	42	Kd3	Qa1
3	e3	Kc6	23	Qg2	gbr	43	Lc3	cd2
4	c3	g8	24	f6	gfr	44	xd	cf7
5	xd2	Cf5	25	gas	ef	45	xe4	cd
6	g8	g8	26	g8	g8	46	g8	g8
7	2f3	cd	27	g8	g8	47	g8	g8
8	cd	KR5	28	g8	g8	48	g8	g8
9	g3	e6	29	g8	g8	49	g8	g8
10	lc	g8	30	g8	g8	50	g8	g8
11	hg	u8	31	g8	g8	51	g8	g8
12	xe5	cd	32	g8	g8	52	g8	g8
13	Kc1	bc	33	g8	g8	53	g8	g8
14	Ba1	O-O	34	g8	g8	54	g8	g8
15	co2	g8	35	g8	g8	55	g8	g8
16	g8	g8	36	g8	g8	56	g8	g8
17	g8	g8	37	g8	g8	57	g8	g8
18	O-O	g8	38	g8	g8	58	g8	g8
19	a3	g5	39	g8	g8	59	g8	g8
20	g4	g6	40	g8	g8	60	g8	g8

SIGNATURE (WHITE) Chau SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

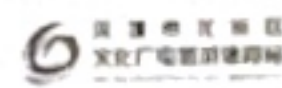
Group G10
Round 9
Date 24/7 Board 2

WHITE Nguyen Vu Bao Chau FED VIE RESULT (W) 1
BLACK Rakhmonova Mokhjakhon FED UZB RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke3	gbr	21			41		
2	Ke3	cd	22			42		
3	Kfr		23			43		
4			24			44		
5			25			45		
6			26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE) Chau SIGNATURE (BLACK) [Signature] SIGNATURE (ARBITER) [Signature]

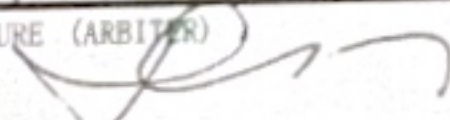
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24/7

Group G10
Round 9
Board 3

12-45

WHITE Ly Kha Han				FED VIE		RESULT (W) 1/2		
BLACK Asadova Madinabonu				FED UZB		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Kxg1	Nc6	41	Qg1	e3
2		g3	22		f3	42	R2d3	Rc13
3	Bg2	d5	23	Bf2	Bg5	43	Rxd3	Qe4+
4		cxd6	24		Rb1	44	Kh3	Qf3+
5	Nc3	Nc7	25	Rg1	Nd4	45	Kg2	Qe4+
6		Nf3	26		Rbf1	46	Kh3	
7	O-O	e5	27	Be1	b5	47		
8		d3	28		Bd2	48		
9	Bd2	O-O	29	Qxd2	b4	49		
10		Rc1	30		Na4	50		
11	K3	Qd7	31	Rc1	Rc8	51		
12		Rc1	32		Rgf1	52		
13	Bc3	b6	33	Re3	Re8	53		
14		Qd2	34		Rfd1	54		
15	Red1	Ned4	35	dxe4	fxc9	55		
16		Qb2	36		f4	56		
17	Bxf5	Nd4	37	Rd2	Nc6	57		
18		Bg2	38		Rc4	58		
19	Bh1	f5	39	Nxc5	Rxc5	59		
20	Bg2	Bxg2	40		Rcxd4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Ly Kha Han			eMasadova					

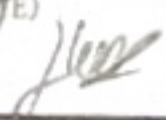
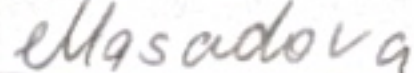
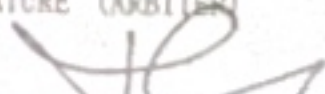
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24

Group G10
Round 9
Board 3

12-45

WHITE			Ly Kha Han			FED		VIE		RESULT (W)	
BLACK			Asadova, Madinabonu			FED		UZB		RESULT (B)	
										1/2	
										1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Kf6	21	Kpg2	Ke6	41	Qg1	e3			
2	g3	c5	22	f3	h5	42	ud3	ud3			
3	cg2	d5	23	Cf2	Cg5	43	ud3	Qe4			
4	cd	kd5	24	ub1	Qf7	44	kph3	Qf5			
5	Kc3	Kc7	25	ug1	Kd4	45	Kpg2	Qg4			
6	Kf3	Kc6	26	ubf1	Qb7	46	kph3				
7	O-O	e5	27	ce1	b5	47					
8	d3	ce7	28	cd2	cd2	48					
9	cd2	O-O	29	QRd2	B4	49					
10	uc1	Cf5	30	Kd4	Qd5	50					
11	B3	Qd7	31	uc1	uc8	51					
12	ue1	uad8	32	ugf1	ufd8	52					
13	ce3	B6	33	Qe3	ues	53					
14	Qd2	Ke6	34	ufd1	eu	54					
15	ued1	Ked4	35	de	fe	55					
16	Qdb2	Kf3	36	f4	Qf5	56					
17	Cf3	Kd4	37	ud2	Ke6	57					
18	cga	ch3	38	ue4	Kd4	58					
19	ch1	f5	39	Kc5	uc5	59					
20	cg2	cga	40	ucd4	uc3	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7-24

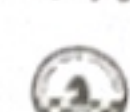
Group 610
Round 9

Board 4

WHITE Zhao Ruoqi				FED China				RESULT (W) 1/2			
BLACK Nakshatra				FED India				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	nf6	21	gcf	Bd6	41	kg3	cf3			
2	ch	e6	22	gfc1	ah	42	kg3	ke3			
3	g3	Bb4+	23	e3	nf6	43	kd3	kg6			
4	Nd2	as	24	gcbt	gcb	44	ke3	kg6			
5	Bg2	0-0	25	gcl	Ra8	45	ke2	kg6			
6	Ngb3	b6	26	Bf1	a3	46	ke3	ke3			
7	0-0	Bb7	27	Bc3	Bf1	47	kd3	kg7			
8	Ne5	Nbd7	28	kg1	gcb	48	ke2	ke7			
9	Nd3	ch6	29	Bd2	gcl	49	ke3	kg6			
10	Qc2	Bd6	30	Bcl	b5	50					
11	Nd7	Nd7	31	ke2	b4	51					
12	b3	as	32	g3	h5	52					
13	Bb2	Qe7	33	Bd2	kg7	53					
14	Rbd1	fs	34	kg2	kg6	54					
15	Ne5	Qe8	35	h2	g5	55					
16	Nd7	Qd7	36	g4	ch4	56					
17	cs	Be7	37	ke2	es	57					
18	c6	Bc6	38	kd3	eh7	58					
19	Rdcl	Bb5	39	ke2	fh	59					
20	Qc7	Qc7	40	Be1	g3+	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhao Ruoqi				SIGNATURE (BLACK) N/A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7-24

Group 610
Round 9

Board 4

WHITE Zhao Ruoqi				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK Nakshatra				FED IND				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nh6	21	Rc7	Bd6	41	kt3	te			
2	ch	e6	22	Rcc1	ah	42	ke3	keb			
3	g3	Bb4	23	e3	Rt48	43	kd3	kt6			
4	Nd2	as	24	Rc8	Rc8	44	ke3	kg6			
5	Bg2	0-0	25	R4	R48	45	ke2	kt6			
6	Ngt3	b6	26	Bt1	as	46	ke3	keb			
7	0-0	Bb7	27	Bc3	Bt1	47	kd3	kt7			
8	Ne5	Nbd7	28	kt1	Rc8	48	ke2	ke7			
9	Ngt3	h6	29	Bd2	Rc1	49	ke3	kt6			
10	Qc2	Bd6	30	Bcl	b5	50					
11	Nd7	Nd7	31	ke2	b4	51					
12	b3	as	32	t3	h5	52					
13	Bb2	Qe7	33	Bd2	kt7	53					
14	Rtd1	t5	34	kt2	kt6	54					
15	Ne5	Qe8	35	h3	g5	55					
16	Nd7	Qd7	36	g4	h4	56					
17	cs	Be7	37	ke2	e5	57					
18	c6	Bc6	38	kd3	ea	58					
19	Rdcl	Bb5	39	ke2	t4	59					
20	Qc7	Qc7	40	Be1	et	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhao Ruoqi				SIGNATURE (BLACK) N/A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhu Chunxi		Nurkhankyz, Adelina		CHN		KAZ		Date		Result (W)	
Signature (White)		Signature (Black)		Signature (Arbiter)		Date		Result (B)		Result (W)	
Zhu Chunxi		Adelina		J. J.		Date		Result (B)		Result (W)	
1	e4	d5	21	a6	d66	41	ca4	h66	22	ca4	h66
2	ed	h65	22	h66	h66	42	h66	h66	23	h66	h66
3	kc3	h68	23	h66	h66	43	h66	h66	24	h66	h66
4	d4	h66	24	h66	h66	44	h66	h66	25	h66	h66
5	h3	h66	25	h66	h66	45	h66	h66	26	h66	h66
6	h3	h66	26	h66	h66	46	h66	h66	27	h66	h66
7	h3	h66	27	h66	h66	47	h66	h66	28	h66	h66
8	h3	h66	28	h66	h66	48	h66	h66	29	h66	h66
9	h3	h66	29	h66	h66	49	h66	h66	30	h66	h66
10	h3	h66	30	h66	h66	50	h66	h66	31	h66	h66
11	h3	h66	31	h66	h66	51	h66	h66	32	h66	h66
12	h3	h66	32	h66	h66	52	h66	h66	33	h66	h66
13	h3	h66	33	h66	h66	53	h66	h66	34	h66	h66
14	h3	h66	34	h66	h66	54	h66	h66	35	h66	h66
15	h3	h66	35	h66	h66	55	h66	h66	36	h66	h66
16	h3	h66	36	h66	h66	56	h66	h66	37	h66	h66
17	h3	h66	37	h66	h66	57	h66	h66	38	h66	h66
18	h3	h66	38	h66	h66	58	h66	h66	39	h66	h66
19	h3	h66	39	h66	h66	59	h66	h66	40	h66	h66
20	h3	h66	40	h66	h66	60	h66	h66			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhu Chunxi		Nurkhankyz, Adelina		CHN		KAZ		Date		Result (W)	
Signature (White)		Signature (Black)		Signature (Arbiter)		Date		Result (B)		Result (W)	
Zhu Chunxi		Adelina		J. J.		Date		Result (B)		Result (W)	
1	f7	h7	21			41					
2	c65	h7	22			42					
3	h7	h7	23			43					
4	h7	h7	24			44					
5	h7	h7	25			45					
6	h7	h7	26			46					
7	h7	h7	27			47					
8	h7	h7	28			48					
9	h7	h7	29			49					
10	h7	h7	30			50					
11	h7	h7	31			51					
12	h7	h7	32			52					
13	h7	h7	33			53					
14	h7	h7	34			54					
15	h7	h7	35			55					
16	h7	h7	36			56					
17	h7	h7	37			57					
18	h7	h7	38			58					
19	h7	h7	39			59					
20	h7	h7	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhu Chunxi		Nurkhankyz, Adelina		CHN		KAZ		Date		Result (W)	
Signature (White)		Signature (Black)		Signature (Arbiter)		Date		Result (B)		Result (W)	
Zhu Chunxi		Adelina		J. J.		Date		Result (B)		Result (W)	
1	e4	d5	21	cb	ab	41	g3g3	Ne7			
2	ed	Qd5	22	Rbb	Qd4	42	BC2	Ncb			
3	NC3	Qd8	23	Rbcb	Rq8	43	Ba4	Nb4			
4	d4	Nf6	24	Rd4	Qd5	44	f4	Kd6			
5	Nf3	Bg4	25	Qd5	Nd5	45	Kd4	Nab			
6	h3	Bf3	26	Ra1	Ra3	46	g4	Nc5			
7	Qf3	cb	27	Rh4	NC3	47	BC2	f9			
8	Be3	eb	28	Rh7	Ra2	48	hg	Nd7			
9	Bd3	Bb4	29	Ra2	Na2	49	g5	Nc5			
10	o-o	BC3	30	Bb5	Rd8	50	Ke3	Nd7			
11	bc	o-o-o	31	Rh8	Ke7	51	Ba4	Nc5			
12	Bg5	Nd7	32	Rd8	Kd8	52	Bb5	e5			
13	Rfb1	Qc8	33	Kf1	Nc3	53	f3	Ke7			
14	Bf4	bb	34	Bd3	Kd7	54	BCb	Kd6			
15	c4	Re8	35	kel	Kdb	55	Bd5	Nd7			
16	Re1	Qb7	36	Kd2	Nd5	56	Kf3	Nf8			
17	Bd6	Rd8(a)	37	c4	Nf4	57	Ke4	Nd7			
18	Rab1	Nf8	38	Be4	f5	58	f6	g6			
19	c5	Qd7	39	Ke3	Ng6	59	Bf7	Nf8			
20	Bf8	Kf8	40	Bd3	Ke5	60	cs	Kc5			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

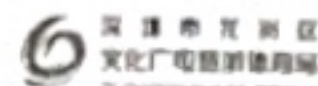
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:28

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhu Chunxi		Nurkhankyz, Adelina		CHN		KAZ		Date		Result (W)	
Signature (White)		Signature (Black)		Signature (Arbiter)		Date		Result (B)		Result (W)	
Zhu Chunxi		Adelina		J. J.		Date		Result (B)		Result (W)	
1	Ke5	Kc6	21			41					
2	Be8+	Kc7	22			42					
3	f7	Nh7	23			43					
4	Bb5	Kd8	24			44					
5	Kd6	Nf8	25			45					
6	Bd3	Nh7	26			46					
7	Bg6	Nf8	27			47					
8	Bf5	Nd7	28			48					
9	g6	Nf6	29			49					
10	f8-Q+	Ne8	30			50					
11	Ke6	Kc7	31			51					
12	Qe8		32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24.07

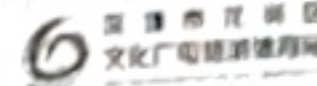
Group
G10
Round
9

Board
6

WHITE Garroosi, Benita				FED	IRI	RESULT (W) 0			
BLACK Volkova, Varvara				FED	RUS	RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Qc6	Nf8	41	Kpf1	c5	
2	c4	e6	22	h3	Kpf7	42	Ne3	Kpf7	
3	Kc3	Kf6	23	Ne1	Qc6	43	Kpg2	cd4	
4	Kf3	ce7	24	Ac6	e5	44	Kp Af3	Ac6 Kpf1	
5	cf4	0-0	25	Ac7	Kd4	45	Nf4	cf6 cf6	
6	e3	c5	26	Ke5	fe	46	Nf3	Kpd7	
7	cd3	cd	27	Cg5	Ne8	47	Nf4	Kpd6	
8	ed	dc	28	Ne5	Ke6	48	B4	Na2	
9	Cc4	Kc6	29	Nb7	Kg5	49	e5	Kpe5	
10	0-0	Ka5	30	Ng5	Kpf6	50	Kpf1	cd4	
11	Ge2	B6	31	Ng3	cd6	51	Nf5	Kpc4	
12	Ke5	cb7	32	Nf3	Kpg6	52	g4	Ne4	
13	Qe3	Kd5	33	g3	Ne7	53	g5	hg	
14	Kd5	cd5	34	Ne7	ce7	54	hg	Na5	
15	cf3	f6	35	h4	cf6	55	f4	Nf5	
16	Kd3	Kc4	36	Nd3	Nd8	56	Nf7	q5	
17	B3	ce3	37	Ne3	Nd1	57	f5	a4	
18	Qf3	Kd6	38	Kpg2	Nd2	58	f6	Ng5	
19	Nc1	Ke5	39	a4	cd4	59	fg	Ng7	
20	Nf1	Qd7	40	Nf7	h6	60	Ng7	cg7	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
								Liu Xiaoni	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24.07

Group
G10
Round
9

Board
6

WHITE Benita Garroosi 1727				FED	IRI	RESULT (W) 0			
BLACK Volkova Varvara 1711				FED	RUS	RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Qc6	Rf8	41	Bf6	Q	
2	c4	e6	22	h3	Kf7	42	Re3	Kf7	
3	Nc3	Nf6	23	Re1	Qxc6	43	Kg2	Bd4	
4	Nf3	Be7	24	Rxc6	e5	44	Rf3	Ke7	
5	Bf4	0-0	25	Rc2	Nxd4	45	Rf4	Bf6	
6	e3	c5	26	Nxe5	fxe5	46	Rf3	Kd7	
7	Bd3	exd4	27	Bd5	Re8	47	Rf4	Kd6	
8	exd4	dx c4	28	Rd5	Nb6	48	b7	Ra2	
9	Bxc4	Nc6	29	Rb7	Nxg5	49	b5	Kc5	
10	0-0	Na5	30	Rxg5	Kf6	50	Kf7	Bd4	
11	Be2	b6	31	Rg3	Bd6	51	Rf5	Kc4	
12	Nb5	Bb7	32	Rf3	Kg6	52	g4	Ra4	
13	Be3	Nd5	33	g3	Re7	53	g5	hxg5	
14	Nxd5	Bxd5	34	Rxe7	Bxe7	54	hxg5	Ra5	
15	Bf3	f6	35	h4	Bf6	55	f4	Rxb5	
16	Nd3	Nc4	36	Rd3	Rd8	56	Rf7	a5	
17	b3	Bxf3	37	Re3	Rd1	57	f5	a4	
18	Qxf3	Nd6	38	Rd2	a4	58	f6	Rxg5	
19	Rac1	Nf5	39	Bd4	Rf3	59	fxg7	Rxg7	
20	Rf1	Qd7	40	nb	Kf7	60	Rxg7	Bxg7	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
								Liu Xiaoni	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.24

Group
G10
Round
9
Board
8

WHITE				BLACK			
Liu Shiyi (SHI)				Nguyen Khanh Han			
FED CHN				FED VIE			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	f3	Bc4	41	Rf6
2	Bf4	c5	22	Rf2	Be2	42	Qg7
3	e3	Ncb	23	Qe2	Ke1	43	Qe5
4	Nc3	ab	24	h3	Qd4	44	Qdb
5	dc5	e5	25	Qe1	Qd3	45	Qg3
6	Bg3	Nf6	26	Qf1	Rcd8	46	Sdb
7	Bh4	Be6	27	Rb1	Rc7	47	Qd5
8	Bf6	g6	28	Rb3	Qcb	48	e5
9	Nf3	Bc5	29	e4	Rdb	49	eb
10	Be2	Bb4	30	f4	Qch	50	Kh2
11	O-O	Rg8	31	Rb1	Qcb	51	h4
12	Kh1	Bc3	32	fes	fes	52	Qe5
13	bc3	Ne7	33	c4	Rcb	53	h5
14	Nd2	Qc7	34	Rf5	Rc4	54	g4
15	c4	dc4	35	Qe1	Rc2	55	Kh3
16	Ne4	Nd5	36	Qh4	f6	56	Qf5
17	Bc4	Nc3	37	Rbf1	Rc6	57	Kh4
18	Nc3	Qd4	38	Qh7	Kab	58	
19	Qe1	Rc8	39	Qhb	Ke1	59	
20	Ne2	Qcb	40	Rf6	Sf6	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Liu Shiyi (SHI)				han			
				SIGNATURE (ARBITER)			
				Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24/Jul

Group
G10
Round
9
Board
8

WHITE				24/JUL 8				
Liu Shiyi (SHI)				FED CHN				
BLACK				FED VIE				
Nguyen Khanh Han				RESULT (W) 1				
				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	DS	21	Qd2 BE2	41	Qg7	Rf7	
2	Bf4	1:31 CS	22	QE2	KE7	42	QE5	KE8
3	E3	NCC	23	H3	1:0P QC4	43	Qd6	KG7
4	NC3	1:32 E5	24	Qe1	1:0R Qc3	44	Qg3	KE6
5	dc5	Nf6	25	Qf1	1:03 RND8	45	Qd6	Rg5
6	Bg3	1:30	26	RB1	RC7	46	Qd5	KE4
7	Bh4	1:31 Df6	27	RB3	QCC	47	ES	RE7
8	Bf6	GF	28	E4	Rd6	48	E5	KE3
9	Nf3	1:30 Bc5	29	F4	QD7	49	Kh5	KE4
10	Be2	Pd4	30	Rd1	56 Qe6	50	h4	KE3
11	O-O	Ag8	31	FE	FE	51	QES	KE2
12	Kh1	Bc3	32	C4	RDC6	52	h5	Rh7
13	CB	NE7	33	AF5	50 Rch	53	g4	RE7
14	NP2	Qc7	34	QE1	Pc2	54	Kh3	KE3
15	C4	1:38 DC	35	Qh5	F6	55	Qf5	KE3
16	Ne4	Nd5	36	Rf6 Rf6	R2 CC	56		
17	Bc4	NC3	37	Qh7	Qd6	57		
18	NC3	1:13 QC4	38	RQh6	KE7	58		
19	Qe1	1:12 Rg8	39	Rf6	Qf6	59		
20	NE2	1:10 Qcc	40	KE6	Rf6	60		
	F3	Bc4						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Liu Shiyi (SHI)				han				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				Liu Xiaoni				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date
7.24

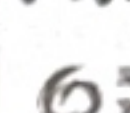
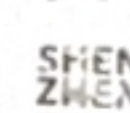
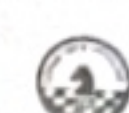
Group
G10

Round
9

Board
9

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Ma, Yimo		He, Yixuan (SZ)		CHN		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Qf3 Be7	Qe7 Rd4	41	Rf2	Nf4 Nf4	
2	Nf3	Nc6	22	Nd4 Nd4	Nf4 Qe7	42	Rf1	Qe2	
3	d4	cd	23	c3 Qf3	Rd4 Rd4	43	Rf1 Rg1	Nf3	
4	Nd4	Nf6	24	Rd4 Rd4	Qc7 Nb6	44	Rg2	Rg1 Qf1	
5	Nc3	ab	25	Rf4 c3	Rd4 Nb5	45	Qg1	Rg1	
6	Bc4	eb	26	Qb5 Rd4	Nb1 Rd5	46			
7	Bg5	hb	27	Qf4 Bf4	Ng5 Qd7	47			
8	Bh4	Be7	28	Qd4 Qh5	Rd5 Rd8	48			
9	O-O	O-O	29	Qb3 Qf4	Qd7 Rd8	49			
10	Bg3	d5	30	f4 Qd4	Rc8 Ne4	50			
11	ed	cd	31	Qc2 Qh5	Rd8 Qe1	51			
12	Be2	Nd4	32	Rd3 f4	Ne4 Qc5	52			
13	Qd4	Bf5	33	Kh1 Qc2	Qe7 Nd2	53			
14	Bd3	Be3	34	f4 Rd3	Qc5 Rd2	54			
15	Qd3	Qd7	35	Kh1 Qd2	Nf2 Rd2	55			
16	Rad1	Rad8	36	Rd3 Kg1	Rd2 Nd4	56			
17	Bh4	d4	37	Kh1	Rf1 Ve3	57			
18	Ne2	Nd5	38	Re1	Nd2	58			
19	Be1	Qe7	39	Rf1	Qh5	59			
20	Nd4	Nf4	40	R3f2	Rf2	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Ma, Yimo			He, Yixuan			Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

SHEN ZHEN
深圳棋院

Date
7.24

Group
G10

Round
9

Board
9

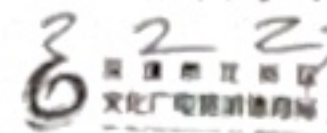
WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Ma, Yimo		He, Yixuan		CHN		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Qd3	Rd4	41	Rf2	Nh4	
2	Nc3	Vc6	22	Rd4	Qc7	42	Rf1	Qe2	
3	d4	cd	23	c3	Rd4 Rd4	43	Rg1	Nf3	
4	Nd4	Nf6	24	Rd4	Nb6	44	Rg2	Qf1	
5	Nc3	ab	25	Rh4	Vg5	45	Rg1	Qg1	
6	Bc4	eb	26	Qh5	Rd5	46			
7	Bg5	hb	27	Qg4	Qd7	47			
8	Kt Bh4	Bh4 Be7	28	Qb3	Rc8	48			
9	Be7 O-O O-O		29	Qb3	Rd8	49			
10	O-O	Bg3	30	f4	Nd4	50			
11	d5	ed	31	Qc2	Qe7	51			
12	ed	Be2	32	Rh3	Qc5	52			
13	Nd5	Qd5	33	Nkh1	M2	53			
14	Bf5	Bd3	34	Kg1	Rd2	54			
15	Bd3/od3	Qd7	35	Qd2	Rd2	55			
16	Rad1	Rd4	36	Rf3	Nd4	56			
17	Bh4	d4	37	Kh1	Ne3	57			
18	Ne2	Nd5	38	Rg1	Vg2	58			
19	Be7	Qe7	39	Rd1	Qh5	59			
20	Nd5	Nf4	40	R3f2	Rf2	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Ma, Yimo			He, Yixuan			Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN



Date 08/24

Group G10

Round 9

Board 10

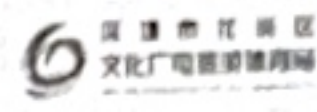
WHITE				BLACK			
Narayani Umesh				Tselmeg Ider			
IND (4610)				MGL (1631)			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Qe4	O-O	38	8 WHITE 8 BLACK
2	c3	Nf6	22	Bb4	Re8	42	
3	e5	Nd5	23	Be7	Re7	43	
4	d4	cd	24	Rd6	Rd7	44	
5	cd	d6	25	Rd1	Rad8	45	
6	Bb4	Nb6	26	Qd4	Rd6	46	
7	Bb5	Bd7	27	ed	Qb6	47	
8	Bd3	eb	28	Qd8	Qbd	48	
9	Nf3	de	29	d7	Qa2	49	
10	Nc5	Bb4	30	Qb6	Qa4	50	
11	Nc3	Nc5	31	h4	Qc6	51	
12	Nf5	Nd5	32	Qe7	Qc7	52	
13	Bd2	Dce7	33	Qe8	Kh7	53	
14	O-O	Nb	34	Qf7	e5	54	
15	Nc5	Bb6	35	Qf5	kg6	55	
16	Qd4	Be5	36	Qe6	Kf8	56	
17	de	Nc3	37	Qf5	Kg8	57	
18	Bc3	Bab	38	Qe6	Kh8	58	
19	Rad1	Qc7	39	Rd3		59	
20	Be4	Be4	40			60	
SIGNATURE (WHITE) N. Mandhe				SIGNATURE (BLACK) Tselmeg			
				SIGNATURE (ARBITER) Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN



Date 24-7-2026

Group G-10

Round 0969

Board 10

WHITE				BLACK			
Narayani Umesh Marathe (1610)				Tselmeg Ider			
INDIA				MGL			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Qe4	O-O	41	
2	c3	Nf6	22	Bb4	Re8	42	
3	e5	Nd5	23	Be7	Re7	43	
4	d4	cd	24	Rd6	Rd7	44	
5	cd	d6	25	Rd1	Rad8	45	
6	Bb4	Nb6	26	Qd4	Rd6	46	
7	Bb5	Bd7	27	ed	Qb6	47	
8	Bd3	eb	28	Qd8	Qbd	48	
9	Nf3	de	29	d7	Qa2	49	
10	Nc5	Bb4	30	Qb6	Qa4	50	
11	Nc3	Nc5	31	h4	Qc6	51	
12	Nf5	Nd5	32	Qe7	Qc7	52	
13	Bd2	Dce7	33	Qe8	Kh7	53	
14	O-O	Nb	34	Qf7	e5	54	
15	Nc5	Bb6	35	Qf5	kg6	55	
16	Qd4	Be5	36	Qe6	Kf8	56	
17	de	Nc3	37	Qf5	Kg8	57	
18	Bc3	Bab	38	Qe6	Kh8	58	
19	Rad1	Qc7	39	Rd3		59	
20	Be4	Be4	40			60	
SIGNATURE (WHITE) N. Marathe				SIGNATURE (BLACK) Tselmeg			
				SIGNATURE (ARBITER) Lin Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12=36

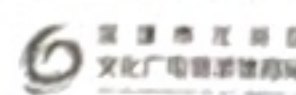
Group G10
Round 9

Date 2026.7.24 Board 11

WHITE				Date 2023.7.24 Board 1.1					
BLACK				FED CHN RESULT (W) 1					
				FED BAN RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	X	Rf5	41	Kd2	Rg8	
2	c4	e6	22	Bg4	Ne7	42	Re7	Qd6	
3	g3	Bb4	23	Qc7	Rf7	43	Rd	Qb5	
4	Bd2	Bd2	24	Qb8	Rf8	44	Qg8	Kg8	
5	Nd2	d5	25	Qb5	Nf5	45	Rc8	Qe8	
6	Nf3	0-0	26	Rg1	Nh4	46	Rce8		
7	Bg2	Nbd7	27	Kf1	Bg4	47			
8	0-0	Qe7	28	Rg4	Nf5	48			
9	Qc2	e5	29	Ke2	Qc6	49			
10	cd	Kd5	30	Nc3	Qc4	50			
11	Ne5	Ne5	31	Ke1	Qb4	51			
12	Bd5	Ng4	32	Qb5	Qe7	52			
13	Bf3	Qg5	33	Re4	RQd8	53			
14	h3	Nf6	34	Re6	Nh4	54			
15	Kg2	Nd5	35	Rd5	Qf6	55			
16	e3	Beb	36	Nc4	Qf3	56			
17	Qc5	b6	37	Rd7	Qh1	57			
18	Qcb	Rad8	38	Qf1	Qe4	58			
19	Nd4	Qh6	39	Qc4	Kh8	59			
20	f5	g4	40	Qc7	Ng2	60			
SIGNATURE (WHITE) Fu Yinuo				SIGNATURE (BLACK) Haider				SIGNATURE (ARBITER) Liudiao ni	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

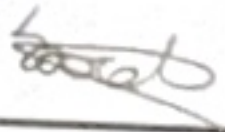
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12=36

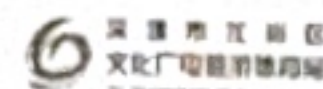
Group G10
Round 9
Board 11

Date 24/07/2026

WHITE				Fu Yinuo				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK				Narisa Haider				FED BAN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	ef5	Rf5	41	Kd2	Rg8							
2	c4	e6	22	Bg4	Ne7	42	Re7	Qc6							
3	g3	Bb4	23	Qc7	Rd7	43	Rc1	Qb5							
4	Bd2	Bd2	24	Qb8	Rf8	44	Qg8	Kg8							
5	Nd2	d5	25	Qc5	Nf5	45	Rc8	Qe8							
6	Nf3	O-O	26	Rg1	Nh4	46	Rce8								
7	Bg2	Nbd7	27	Kf1	Bg4	47									
8	O-O	Qe7	28	Rg4	Nf5	48									
9	Qc2	e5	29	Ke2	Qc6	49									
10	ed5	Nd5	30	Nc3	Qc4	50									
11	Ne5	Ne5	31	Ke1	Qb4	51									
12	Bd5	Ng4	32	Qb5	Qe7	52									
13	Bf3	Qg5	33	Re4	Qd8	53									
14	h3	Nf6	34	Re5	Nh4	54									
15	Kg2	Nd5	35	Rd5	Qf6	55									
16	e3	Beb	36	Ne4	Qf3	56									
17	Qc5	b6	37	Rd7	Qh1	57									
18	Qc6	Rad8	38	Qf1	Qe4	58									
19	Ne4	Qh6	39	Qf1	Kh8	59									
20	g4	f5	40	Qf7	Ng2	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Fu Yinuo								Liu Xiaoni							

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.24

Group
G10

Round
9

Board
12

WHITE Chen, Zixi				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Du, Mingcheng 杜明成				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21			41					
2	c4	e6	22			42					
3	Nc3	Nf6	23			43					
4	Bg5	Be7	24			44					
5	e3	O-O	25			45					
6	Nf3	c6	26			46					
7	cd	ed	27			47					
8	Bd3	Be6	28			48					
9	0-0	Nbd7	29			49					
10	a3	a5	30			50					
11	h3	h6	31			51					
12	Bf4	Re8	32			52					
13	Rc1	Rc8	33			53					
14	Bb1	Bf8	34			54					
15	Bh2	g6	35			55					
16	Ne5	Nxe5	36			56					
17	de	Nd7	37			57					
18	f4	Bg7	38			58					
19	ef	Qxf6	39			59					
20	Bg3	Nc5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Chen, Zixi				SIGNATURE (BLACK) Du Mingcheng				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.7.24

Group
G10

Round
9

Board
12

WHITE Chen Zixi				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Du Mingcheng				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bg3	Nc5	41					
2	c4	e6	22			42					
3	Nc3	Nf6	23			43					
4	Bg5	Be7	24			44					
5	e3	O-O	25			45					
6	Nf3	c6	26			46					
7	cd	ed	27			47					
8	Bd3	Be6	28			48					
9	O-O	Nbd7	29			49					
10	a3	a5	30			50					
11	h3	h6	31			51					
12	Bf4	Re8	32			52					
13	Rc1	Rc8	33			53					
14	Bb1	Bf8	34			54					
15	Bh2	g6	35			55					
16	Ne5	Nxe5	36			56					
17	de	Nd7	37			57					
18	f4	Bg7	38			58					
19	g4	f5	39			59					
20	ef	Qf6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Chen Zixi				SIGNATURE (BLACK) Du Mingcheng				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

24/7/2026

Group

G-10

Round

9/9

Board

13

WHITE				BLACK			
Nguyen, Dieu Anh				Gerelt-Oyu, Tsagtgerel			
FED VIE				FED MGL			
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4 (86)	Mg6 (90)	21	Xg5 (54)	He4 (69)	41	Xc8 (38)
2	Tg4 (87)	e6 (91)	22	Hh6 (55)	Vg8 (67)	42	Ha8 - Vc7 (54)
3	e3 (86)	d5 (91)	23	Xh3 (55)	Hd7 (67)	43	Xb8 - He2 (51)
4	Mg3 (85)	Td6 -	24	Hh7 (50)	Vg8 (67)	44	He8# -
5	Me5 -	Mbd7 (90)	25	Tg3 (80)	Vc7 (67)	45	
6	Td3 -	O-O (89)	26	Hg7 (51)	Vd8 -	46	
7	Hg3 (78)	Te7 -	27	Tc4 (51)	de4 (91)	47	
8	Hh3 -	Xe8 (88)	28	Xd1 (55)	Vc7 (67)	48	
9	Tg5 (75)	g6 (87)	29	Xh7 (89)	Xe7 (53)	49	
10	O-O (69)	c5 -	30	Hg6 (58)	a6 (66)	50	
11	Mbd2 (67)	c9 (87)	31	Mb5 (50)	Hb5 (65)	51	
12	Te2 (62)	Me5 (87)	32	He7 -	Vb8 -	52	
13	de5 (62)	Md7 (83)	33	Xh8 (98)	Va7 -	53	
14	Te7 (62)	He7 (83)	34	Mc7 (48)	c3 (58)	54	
15	g4 (63)	Hb4 (83)	35	Hc3 (47)	a5 (57)	55	
16	Mg3 (62)	Vg7 (81)	36	Xd6 (93)	a4 (55)	56	
17	g4 (61)	Hb6 (76)	37	Hd9 (42)	b6 (55)	57	
18	Hd9 (60)	Hd8 (71)	38	b3 -	qb3 -	58	
19	g5 (59)	He7 (69)	39	cb3 (38)	Vb7 (53)	59	
20	Tg4 (58)	Mc5 (57)	40	He4 -	Vb8 (53)	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Liu Xiaoni				Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026 07 24

Group

G-10

Round

9

Board

13

WHITE				BLACK			
Nguyen Dieu Anh				Gerelt-Oyu			
FED VIE				FED MGL			
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	nf6	21	Rf3	Ne4	41	Rc8
2	Bf4	e6	22	Qh6	kg8	42	Qa8
3	e3	d5	23	Rh3	Qd7	43	Rd8
4	nf3	Bd6	24	Qh7	kf8	44	
5	Ne5	Nbd7	25	Bf3	Ke7	45	
6	Bd3	O-O	26	Qg7	Kd8	46	
7	Qf3	Be7	27	Be4	de	47	
8	Qh3	Re8	28	Rd1	Kc7	48	
9	Bg5	g6	29	Qh7	Re7	49	
10	O-O	c5	30	Qf6	a6	50	
11	Qd2	c4	31	Nb5	Qb5	51	
12	Be2	Ne5	32	Qe7	Kb8	52	
13	de	Nd7	33	Rh8	Ka7	53	
14	Be7	Qe7	34	Qc7	c3	54	
15	f4	Qb4	35	Qc3	a5	55	
16	Nf3	Kg7	36	Rd6	a4	56	
17	g4	Qb6	37	Qd4	b6	57	
18	Nd4	Qd8	38	b3	a6	58	
19	g5	Qe7	39	c6	Kb7	59	
20	Bg4	Nc5	40	Qe4	Kb8	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Liu Xiaoni				Liu Xiaoni			

28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

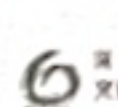
7/24

Board

15

WHITE				7/24				RESULT (W) 0.5	
BLACK				FED CHN				RESULT (B) 0.5	
Li yicen				FED CHN					
Xu yutong									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Rd3	Bd3	41			
2	d4	d5	22	Rd3	Rhd8	42			
3	Nc3	Nf6	23		Rd1	Rd3	43		
4	Bg5	de	24	Rd3	e5	44			
5	Ne4	Be7	25	b3	c4	Rc8	45		
6	Bb	gf	26	Ke6	Re3		46		
7	Nf3	f5	27		Rd8	Ke2	47		
8	Ng3	c5	28	Rd4	h3		48		
9	dc	Bc5	29		e4	Rc3	49		
10	d8	kol8	30	Ke5	b4		50		
11	Ne5	Ke7	31	f4	gf		51		
12	Rd1	Nd7	32	Kf4	c5		52		
13	Nd3	Bb3	33		bc	bc	53		
14	Be2	Bc7	34	Rd7	cb		54		
15	Bf3	Rb8	35		Rc7	g3	55		
16	Ke2	bb	36	Ke5	Ke3		56		
17	Rhe8	Bab	37	Kd5			57		
18	Kf1	Bg3	38	g4	Ke5		58		
19	fg	Nc5	39	h4	Kd5		59		
20	Be2	Nd3	40	Rc1	Ke5		60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
Li yicen				Xu yutong				Liu Xiaoni	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

24 July 15

Board

15

WHITE			Li Yicen			FED CHN		RESULT (W) 1/2	
BLACK			Xu Yutong			FED CHN		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Bxd3	Bd3	41			
2	d4	d5	22	Pxd3	Rhd8	42			
3	Nc3	Nf6	23	Red1	Rd3	43			
4	Bg5	dxe4	24	Pxd3	e5	44			
5	Nxe4	Be7	25	c4	Rc8	45			
6	Bxf6	gxf6	26	b3	Ice6	46			
7	Nf3	g5	27	Re3	Rd8	47			
8	PNg3	c5	28	Ke2	Rd4	48			
9	dxe5	Bxc5	29	h3	e4	49			
10	Bxd8	Kxd8	30	Rc3	Ice5	50			
11	Ne5	Ke7	31	b4	f4	51			
12	Rd1	Nd7	32	gxf4	Ice4	52			
13	Nd3	Bb6	33	c5	bxc5	53			
14	Be2	Bc7	34	bxc5	Rd7	54			
15	Bf3	Rb8	35	c6	Rc7	55			
16	Ice2	b6	36	g3	Ke5	56			
17	phd1	Ba6	37	Ke3	Kd5	57			
18	Kf1	Bxg3	38	g4	Ice6	58			
19	fxg3	Nc5	39	h4	Kd5	59			
20	Be2	Nxd3	40	Rc1	Ke5	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Li Yicen			Xu Yutong			Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

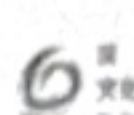
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/6Board
16Group
G-10Round
9

WHITE Vu Khanh An				FED Vie				RESULT (W) 1			
BLACK Anintah A				FED IND				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf7	Kh7	41	Rf3	Rh6			
2	Bf4	c5	22	h4	h5	42	Qe2	Nh5			
3	c3	cd	23	Bc4	a5	43	Qc4	Qb4			
4	cd	d6	24	Qb1	Kg7	44	Rd1	Qc4			
5	e3	g6	25	b3	d5	45	bc	a4			
6	h3	Bg7	26	Bd3	Kh7	46	c5	Bf6			
7	Nf3	O-O	27	Kh1	Qf6	47	Ba2	Kc8			
8	Be2	Re8	28	Bg3	Bh6	48	d6	Rgh8			
9	O-O	Nbd7	29	f4	Kg8	49	Bf6	Rf6			
10	Nc3	ag	30	Qa2	Qe6	50	Re1	Ng3			
11	Rc1	b5	31	Qd2	Nh7	51	Kg1	Rh7			
12	a3	Bb7	32	Rc1	Qb6	52	Be6	Kd8			
13	Bh2	Rc8	33	Bb1	Kg7	53	d7	Rg7			
14	Qb3	h6	34	f5	g5	54	Rb1	Kc7			
15	a4	Bf3	35	Qe2	Nf6	55	Rb7	Kc7			
16	Bf3	ba	36	hg	Bg5	56	d8-Q	Ne2			
17	Qa4	Qb6	37	Be5	Rh8	57	Kf2	Rg2			
18	Qa2	Red8	38	Qd1	Rh8	58	Kg2	h3			
19	Nd5	Nc5	39	Kc4	Kf7	59	Kh2	Ref			
20	Bd5	Nf8	40	ed	h4	60	fe	a3			
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Anintah A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/6Board
16Group
G-10Round
9

WHITE Vu Khanh An				FED Vie				RESULT (W) 1			
BLACK Anintah A				FED IND				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rb3	Ka7	21			41					
2	Qa5		22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Anintah A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

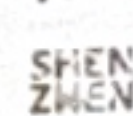
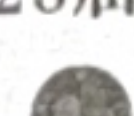
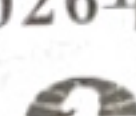
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/7/26Board
16Group
G-10Round
9

WHITE Vu Khanh An				FED Vie				RESULT (W) 1			
BLACK Anintah A				FED IND				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rb3	Ka7	21			41					
2	Qa5	#	22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5	1-0		25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Anintah A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

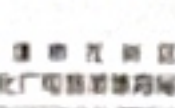
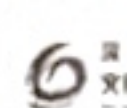
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/7/26Board
16Group
G-10Round
9

WHITE Vu Khanh An				FED Vie				RESULT (W) 1			
BLACK Anintah A				FED IND				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rb3	Ka7	41	Rb3	Ka7			
2	Bf4	c5	22	Qa5	#	42	Qa5	#			
3	c3	cd	23	Bc4	a5	43	Bc4	a5			
4	cd	d6	24	Qb1	Kg7	44	Qb1	Kg7			
5	Q3	g6	25	Bd3	Kh7	45	Bd3	Kh7			
6	h3	Bg7	26	Bh2	Rc8	46	Bh2	Rc8			
7	Nf3	O-O	27	Kh1	Qf6	47	Kh1	Qf6			
8	Be2	Re8	28	Bg3	Bh6	48	Bg3	Bh6			
9	O-O	Nbd7	29	f4	Kg8	49	f4	Kg8			
10	Nc3	ag	30	Qa2	Qe6	50	Qa2	Qe6			
11	Rc1	b5	31	Qd2	Nh7	51	Qd2	Nh7			
12	a3	Bb7	32	Rc1	Qb6	52	Rc1	Qb6			
13	Bh2	Rc8	33	Bb1	Kg7	53	Bb1	Kg7			
14	Qb3	h6	34	f5	g5	54	f5	g5			
15	a4	Bf3	35	Qe2	Nf6	55	Qe2	Nf6			
16	Bf3	ba	36	hg	Bg5	56	hg	Bg5			
17	Qa4	Qb6	37	Be5	Rh8	57	Be5	Rh8			
18	Qa2	Red8	38	Qd1	Rh8	58	Qd1	Rh8			
19	Nd5	Nc5	39	Kc4	Kf7	59	Kc4	Kf7			
20	Bd5	Nf8	40	ed	h4	60	ed	h4			
SIGNATURE (WHITE) An				SIGNATURE (BLACK) Anintah A				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.24

Group

A10

Round

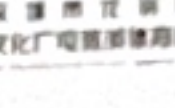
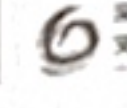
9

Board

17

WHITE Ma Yutian			FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Jiang Yan			FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qg3	Q	41		
2	d4	d5	22	Qg7	Ne4	42		
3	Nc3	de	23	Qh6	Rh5	43		
4	Ne4	Bf5	24	Qf4	Rh5	44		
5	Ng3	Bg6	25	Re4	fe 2024	45		
6	h4	h6	26	Qg4	Qd7	46		
7	Nf3	Nd7	27	Qh5	e3	47		
8	h5	Qh7	28	Qh3	Qh3	48		
9	Bd3	Bd3	29	g4	Qd1	49		
10	Qd3	Qc7	30	c3	Rd3	50		
11	Bd2	Nf6	31	h4	Rh3	51		
12	O-O-O	e6	32	Rd2	Rh4	52		
13	Rhe1	O-O-O 13:31	33	Kc2	Re4	53		
14	Qe2 13:42	Be7 13:48	34	Rf2	Re5	54		
15	Kb1	Rh7	35	Rf7	ab	55		
16	Ne5	Ne5	36	Rf2	Kc7	56		
17	de 13:59	Nd7 14:05	37	Rd2 14:20	h6 2:44	57		
18	f4 14:45	Ne5 53:45	38			58		
19	f5	Qh4	39			59		
20	Qg4 1:20:09	Bg3 45:05	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Ma Yutian			SIGNATURE (BLACK) Jiang Yan			SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.24

Group

A10

Round

9

Board

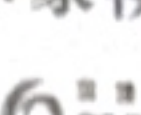
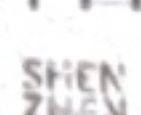
17

WHITE				FED CHN		RESULT (W) 0.5		
BLACK				FED CHN		RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qg3	ed	41		
2	d4	d5	22	Qg7	Qh6	42		
3	Nc3	de	23	Rh8	Qh6	43		
4	Ne4	Bf5	24	Rh5	Qh6	44		
5	Ng3	Bg6	25	fe	Re4	45		
6	h4	h6	26	Qd7	Qg4	46		
7	Nf3	Nd7	27	e3	Qh5	47		
8	h5	Bh7	28	Qh3	Qh3	48		
9	Bd3	Bd3	29	Qh3	Qh3	49		
10	Qd3	Qc7	30	Rd3	C3	50		
11	Bd2	Nf6	31	Rh3	h4	51		
12	O-O-O	e6	32	Rh4	Rd2	52		
13	Rhe1	O-O-O	33	Re4	Kc2	53		
14	Qe2	Be7	34	Rf7	Rf2	54		
15	Kb1	Rh7	35	Rf2	Rf7	55		
16	Ne5	Ne5	36	Re2	Kc7	56		
17	ed	Nd7	37	Rd2	kb6	57		
18	f4	Nc5	38			58		
19	f5	Bh4	39			59		
20	Qg4	Bg3	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Ma Yutian			Jiang Yan			Liu Xiaoni		

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:14

Group
G-10
Round
9



Date
2026/7/26

Board
18

WHITE Yedreshcheva Amaliya				FED Kaz				RESULT (W) 1/2			
BLACK Guo Anne xuduo				FED NZL				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	D5	21	Qc5	Qd6	41	Qf8	Qd5			
2	C4	C6	22	h3	Rd4	42	Qg7	Qe6			
3	Nf3	Nf6	23	Qc3	Rd4	43	Qf8	C4			
4	Nc3	Bc7	24	Rd1	Qd1	44	Qc5	E4			
5	Bg5	O-O	25	Fh2	Qd6	45	Q4	Qd4			
6	E3	Q6	26	Fg1	C5	46	Qb4	Qb6			
7	Nc5	Qc4	27	Qf3	Qd5	47	Qc4	Qb2			
8	Bd4	b5	28	Rd3	Qc6	48	Qe4	Qb6			
9	Bd2	Bb7	29	Qc5	Qd6	49	Qc4	Q5			
10	Qf3	Nd6	30	Qc3	Qf8	50	Qf4	Qb1+			
11	Bc7	Qc7	31	Qf3	Qd5	51	Kh2	Qg6			
12	Nc4	Nc3	32	Qg3	E5	52	Qb2+	Fc6			
13	Qd2	Bc4	33	Qd4	N6	53	Qc5	Fb6			
14	Bc4	Nd5	34	Qg4	Qc6	54	Qd5	Fb6			
15	O-O	Nd7	35	Qh4	Kc6	55	Qd7	Kb6			
16	Rc1	Nc5	36	Qc4	Ke7	56	Qd4	Q5			
17	Bd6	Rd6	37	Qh4	Kc7	57	Qb2	Kab			
18	Rc5	Rd6	38	Qd4	Kc7	58	Qc2	Kb6			
19	Rc1	Rd6	39	Qc5	Kb6	59	Qc3	Fab			
20	Rd5	Rd5	40	Qc5	Kb7	60	Qc2	Kb6			
SIGNATURE (WHITE) Yedreshcheva Amaliya				SIGNATURE (BLACK) Guo Anne xuduo				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:14

Group
G-10
Round
9



Date
2026/7/26

Board
18

WHITE Yedreshcheva Amaliya				FED KAZ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Guo Anne xuduo				FED NZL				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qb2	Kab	21			41					
2	Qc2	Kab	22			42					
3	Qc3	Kab	23			43					
4	Qf4	Kab	24			44					
5	Qd4+	Kab	25			45					
6	Qd4+	Kb6	26			46					
7	Qb3	Kab	27			47					
8	Qc4	Kb6	28			48					
9	Qd4+	Kab	29			49					
10	Qd7	Kb6	30			50					
11	Qd5+	Fab	31			51					
12	Qc5+	Kb6	32			52					
13	Qb6	Kab	33			53					
14	Qc8+	Kb6	34			54					
15	Qd6	Fab	35			55					
16	Qc8+	Kb6	36			56					
17	Qd5+	Kab	37			57					
18	Qc8+		38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Yedreshcheva Amaliya				SIGNATURE (BLACK) Guo Anne xuduo				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:14

Group
G-10
Round
9



Date
2026/7/26

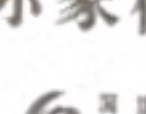
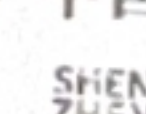
Board
18

WHITE Yedreshcheva Amaliya				FED KAZ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Guo Anne xuduo				FED NZL				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Pa5	Pd6	41	Pf8	Pd5			
2	C4	E6	22	h3	Ad4	42	Pg7	Pe6			
3	Kf3	Kf6	23	Pc3	Ad1	43	Pf8	C4			
4	Kc3	Ce7	24	Ad1	Pd1	44	Pc5	E4			
5	Cg5	O-O	25	KPh2	Pd6	45	Q4	Qa			
6	E3	Q6	26	KPg1	C5	46	P54+	Pd6			
7	Ke5	dc	27	Pf3	Pd5	47	Pc4	Pd2			
8	Cc4	b5	28	Pa3	Pc8	48	Pe4	Kp66			
9	Ce2	Cd7	29	Pa5	Pd6	49	Pa4	Q5			
10	Cf3	Kd5	30	Pa3	KPf8	50	Pf4	Pd1			
11	Ce7	Pe7	31	Pf3	Pd5	51	KPh2	Pg6			
12	Ke4	Ke3	32	Pg3	E5	52	Pd8	Kp66			
13	Pd2	Ce4	33	Ph4	h6	53	Pa8	Kp66			
14	Ce4	Kd5	34	Pg4	Pe6	54	Pd8	Kp65			
15	O-O	Kd7	35	Ph4	KPe1	55	Pd7	Kp66			
16	Nf1	Ke5	36	Pe4	KPf7	56	Kp65	Pd2			
17	Cd5	Ad8	37	Ph4	KPd7	57	Kp66	Pe2			
18	Ad5	Ad5	38	Pe4	Kc7	58	Kp66	Pe3			
19	Ad1	Ad8	39	Pa8	Kp66	59	Kp66	Pe2			
20	Ad5	Ad5	40	Pd8+	Kp67	60	Kp66	Pd2			
SIGNATURE (WHITE) Yedreshcheva Amaliya				SIGNATURE (BLACK) Guo Anne xuduo				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:14

Group
G-10
Round
9



Date
2026/7/26

Board
18

WHITE Yedreshcheva A.				FED KAZ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Guo Anne xuduo				FED NZL				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	KPa6	Pe2	21			41					
2	KPb6	Pe3	22			42					
3	KPa6	Pf4	23			43					
4	KPb6	Pd4	24			44					
5	KPa6	Pc4	25			45					
6	KPb6	Pd3	26			46					
7	KPa6	Pc4	27			47					
8	KPb6	Pd4	28			48					
9	KPa6	Pd7	29			49					
10	KPb6	Pd8	30			50					
11	KPa6	Pc8	31			51					
12	KPb6	Pf8	32			52					
13	KPa6	Pc8	33			53					
14	KPb6	Pd8	34			54					
15	KPa6	Pc8	35			55					
16	KPb6	Pd8	36			56					
17	KPa6	Pc8	37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Yedreshcheva A.				SIGNATURE (BLACK) Guo Anne xuduo				SIGNATURE (ARBITER) Liu Xiaoni			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN
ZHEN
深圳棋院

深圳市福田区
文化广电新闻出版局

Date

Group 0-10

Round 9

Board 19

RESULT (W) 1/2

RESULT (B) 1/2

WHITE Tran Hoang Bao Ngoc

BLACK Ransala PK Adithi

FED VIL

FED SRI

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	D4	MF6	21	re4	He6	41		
2		MF3	22		Tg2	42		
3	D5	B5	23	Xe3	Xb8	43		
4		C4	24		Xae1	44		
5	He2	PG6	25	B3	Xcd8	45		
6		E4	26		He4	46		
7	Td3	Mbd7	27	He5	He5	47		
8		O-O	28		Xe5	48		
9	Te4	O-O	29	Xle3	f6	49		
10		H3	30		XSe4	50		
11	A4	Tb7	31	Xd3	Ed	51		
12		Mod	32		Xe8	52		
13	Xfe1	Mh5	33	Td5		53		
14		Tn2	34			54		
15	G4	MF6	35			55		
16		E5	36			56		
17	Me5	ME5	37			57		
18		Te5	38			58		
19	Me4	Me4	39			59		
20		Tg7	40			60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Liu Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN
ZHEN
深圳棋院

深圳市福田区
文化广电新闻出版局

Date

Group 0-10

Round 9

Board 19

RESULT (W) 1/2

RESULT (B) 1/2

WHITE Tran Hoang Bao Ngoc

BLACK Ransala PK Adithi

FED vietnam

FED Sri Lanka

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bxe4	Qd6	41		
2	Nf3	C5	22	Bg2	Re8	42		
3	d5	b5	23	Re3	Rb8	43		
4	C4	b6	24	Rae1	Rbc8	44		
5	e4 Qc2	g6	25	b3	Rae4	45		
6	e4	d6	26	e6	Qe5+	46		
7	Bd3	Nbd7	27	Qe5	Rxe5	47		
8	O-O	Bg7	28		Bc8	48		
9	Bf4	b-o	29	Re3	f6	49		
10	h3	a5	30	Re4	rf7	50		
11	a4	Bb7	31	Rd3	exd5	51		
12	Nbd2	Qc7	32	Rxe8	Kxe8	52		
13	Rfe8	Nh5	33	Bxd5		53		
14	Bh2	nh8	34			54		
15	g4	Nf6	35			55		
16	e5	dx e5	36			56		
17	Nxe5	Nxe5	37			57		
18	Bxe5	Qd7	38			58		
19	Ne4	Nxe4	39			59		
20	Bxg7	kg7	40			60		

SIGNATURE (WHITE)

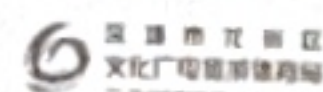
SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Liu Xiaoni

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24.07

Group G10
Round 9

WHITE Lee Kar Yan Rebekah				FED SGP				RESULT (W) 0			
BLACK Kondrova				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	u93	ch4	41	KP91	u68			
2		d4	22		u93	42		uf3		PC1	
3	ed	cd	23	C25	P95	43	KPh2	C94			
4		cd3	24		u93	44		u93		GF3	
5	h3	g6	25	ud1	PF4	45	u4f3	P95			
6		Kf3	26		uf3	46		u83		PF4	
7	Cf4	Kc6	27	Kd7	u5d8	47	KP91	Pd6			
8		Khd2	28		Kf6	48		KP91			
9	ce3	P66	29	u61	Pd2	49					
10		Kb3	30		u65	50					
11	C3	Kd5	31	Kh7	ce2	51					
12		O-O	32		u93	52		KPh7			
13	P63	Pd6	33	Pa3	ud7	53					
14		u61	34		u93	54		cd3			
15	uad1	Kf4	35	Pa4	u67	55					
16		Kd5	36		P64	56		u68			
17	Kd3	b6	37	u93	Cf5	57					
18		Cf4	38		P65	58		PC1			
19	Kd5	Cb7	39	KPh2	PF4	59					
20		ud3	40		Pd2	60		KP91			
SIGNATURE (WHITE) Rebekah				SIGNATURE (BLACK) Kondrova				SIGNATURE (ARBITER) Ni Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24 July 2026

Group G10
Round 9
Board 20

WHITE Rebekah Lee				FED SGP				RESULT (W) 0			
BLACK Kondrova, Vitalina				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rg3	Gh4	41	Kg1	Rh8			
2	ed4	d5	22	Rg3	Bg5	42	Rd3	Qc4			
3	exd5	cx d5	23	Bg5 Bg5	Bg5 Bg5	43	Kh2	Bg4			
4	Bd3	Nf6	24	Rg3	Qd2	44	Ree3	Bxf3			
5	h3	g6	25	Rd1	Qd4	45	Rxf3	Qg5			
6	Nf3	Bg7	26	Rd3	Qg5	46	Rg3	Qd4			
7	Bf4	Nc6	27	Nd1	Rfe1	47	Kg1	Qd6			
8	Nbd2 Nbd2	Nh5	28	Nf6+	Kg7	48	0	- 1			
9	Be3	Qb6	29	Re1	Qd2	49					
10	Nb3	O-O	30	Re5	Qa6	50					
11	c3	Na5	31	Nd7	Be2	51					
12	O-O	Nxb3	32	Rg3	Kxh7	52					
13	Qxb3	Bd6	33	Qd3	Rd7	53					
14	Rfe1	e6	34	Rge3	Bd3	54					
15	Rad1	Nf4	35	Qd4	Rd1	55					
16	Ne5	Nxd3	36	Qb4	Rd8	56					
17	Nxd3 Nxd3	b6	37	Reg3	Bf5	57					
18	Bf4	Qd8	38	Qb5	Qd4	58					
19	Ne5	Bb7	39	Kh2	Qd4	59					
20	Rd3	Bf6	40	Qd2	Kg7	60					
SIGNATURE (WHITE) Rebekah				SIGNATURE (BLACK) Kondrova				SIGNATURE (ARBITER) Ni Yin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24 Jul

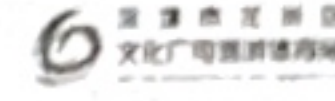
Group
G10

Round
9

Board
21

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Hsu Anya		Cherednichenko Olesya Ser		CHN		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c6	21	Bb6	Re6	41			
2	c4	e6	22	Re6	fe	42			
3	nc3	d5	23	Bc1	Kf7	43			
4	cd	ed	24	nh4	K-e7	44			
5	ed	cd	25	Qg6	ne8	45			
6	d4	nc6	26	nf5	Kf8	46			
7	nf3	nf6	27	Qe6	Qb6	47			
8	h3	h6	28	Qd5	nf6	48			
9	a3	a6	29	Qf3	Kg8	49			
10	Bd3	Bb6	30	nd5	Qd8	50			
11	O-O	O-O	31	nh6	Kh7	51			
12	Re1	Re8	32	Qf5	Qb6	52			
13	Re8	Qe8	33	Qf6	Bh2	53			
14	Bd3	Bb6	34	Kh2	Qd5	54			
15	Qc2	Qd7	35	Qf7	Qf7	55			
16	Re1	Re8	36	nf7	KKO7	56			
17	Bd2	Qc7	37	ne5	ne5	57			
18	Qb3	b5	38	de	Kf7	58			
19	Qc2	na5	39	Bg5		59			
20	Bf5	nc4	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Hsu Anya			SIGNATURE (BLACK) [Signature]			SIGNATURE (ARBITER) Li Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24.07

Group
G10

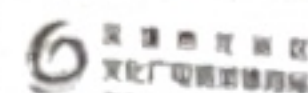
Round
9

Board
21

WHITE		BLACK		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Hsu Anya		Cherednichenko Olesya		CHN		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c6	21	ce6	Ne6	41			
2	c4	e6	22	Ne6	fe	42			
3	Kc3	d5	23	cc1	Kp4	43			
4	cd	ed	24	kh4	kpe4	44			
5	ed	cd	25	pg6	ke8	45			
6	d4	kc6	26	kt5	kpf8	46			
7	Kf3	Kt6	27	Qe6	Qb6	47			
8	h3	h6	28	Qd5	Kf6	48			
9	a3	a6	29	Qf3	Kpg8	49			
10	cd3	cd6	30	Kd5	Qd8	50			
11	O-O	O-O	31	Kh6	Kp4	51			
12	Ne1	Ne8	32	Qf5	Qb6	52			
13	Ne8	Qe8	33	Qf6	Ch2	53			
14	ce3	ce6	34	Kph2	Qd5	54			
15	Qc2	Qd7	35	Qf7	Qf7	55			
16	Ne1	Ne8	36	Kt4	Kpg4	56			
17	cd2	Qc7	37	ke5	ke5	57			
18	Qb3	b5	38	de	Kp4	58			
19	Qc2	na5	39	Cg5		59			
20	Ct5	Kch	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Hsu Anya			SIGNATURE (BLACK) [Signature]			SIGNATURE (ARBITER) Li Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.24

Group G10

Round 9

Board 22

RESULT (W) 0

RESULT (B) 1

WHITE				BLACK			
#		WHITE	BLACK	#		WHITE	BLACK
1		e4	e5	21		Qc3	b6
2		Nf3	Nc6	22		Ra1Rc5	Rc8
3		Bc4	Bc5	23		Qab	Qe7
4		c3	Nf6	24		Qa4	c5
5		d4	ed	25		Qa3	Rf8
6		e5	d5	26		Rfd1	cd
7		Bb5	Ne4	27		Rc8	Bc8
8		cd	Bb4	28		Qe7	Re7
9		Bd2	Nd2	29		Rd7	Bb7
10		Nbd2	O-O	30		Kf2	g5
11		O-O	Bd4	31		Kg3	Kf7
12		Qa4	Bd2	32		Kf2	Rc7
13		Nd2	Ne7	33		Ke3	keb
14		h3	Beb	34		Kd3	Bab
15		Bd3	c6	35		Kd2	Bf1
16		Qc2	h6	36		Nel	Ke5
17		f4	fs	37		Ra4	a5
18		Nf3	Ng6	38		h4	Rc4
19		Qf2	Nf4	39		Rc4	dc
20		Qd2	Nd3	40		u4	gf

SIGNATURE (WHITE)

Lai, Yutong

SIGNATURE (BLACK)

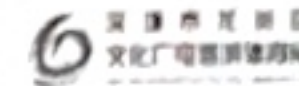
Shao, jiatong

SIGNATURE (ARBITER)

Li Jin

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2027

Group G10

Round 9

Board 22

RESULT (W) 0

RESULT (B) 1

WHITE				BLACK			
#		WHITE	BLACK	#		WHITE	BLACK
1		e4	e5	21		Qd3	b6
2		Nf3	Nc6	22		Rac1	Rc8
3		Bc4	Bc5	23		Qa6	Qe7
4		c3	Nf6	24		Qa4	c5
5		d4	ed	25		Qa3	Rf8
6		e5	d5	26		Rfd1	cd
7		Bb5	Ne4	27		Rc8	Bc8
8		cd	Bb4	28		Qe7	Rd7
9		Bd2	Nd2	29		Rd4	Bb7
10		Nbd2	O-O	30		Kf2	g5
11		O-O	Bd4	31		Kg3	Kf7
12		Qa4	Bd2	32		Kf2	Rc7
13		Nd2	Ne7	33		Ke3	keb
14		h3	Beb	34		Kd3	Bab
15		Bd3	c6	35		Kd2	Bf1
16		Qc2	h6	36		Nel	Ke5
17		f4	fs	37		Ra4	a5
18		Nf3	Ng6	38		h4	Rc4
19		Qf2	Nf4	39		Rc4	dc
20		Qd2	Nd3	40		u4	gf

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Shao, jiatong

Li Jin

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026
7/24

Group
G10
Round
9

Board
23

WHITE 00 ke chien				BLACK chen Yunhao			
#		WHITE		BLACK		#	
1	e4		e6	21	Qd2 41	Qxd2 73	41
2		d4		22	41 Nxe2	73 Re2	42
3	Nd2		c5	23	Rd1 39	Kf8 73	43
4		exd5		24	38 Kf1	72 Re6	44
5	Ngf3		Nf6	25	Re1 34	1/2-1/2	45
6		Bb5+		26			46
7	Bxb7+		Nxb7	27			47
8		O-O		28			48
9	Qxc5		Nxc5	29			49
10		Nb3		30			50
11	Qxb3 85		O-O 88	31			51
12		Bg5		32			52
13	Bh4 78		Re8 87	33			53
14	73 Re1		81 Ne4	34			54
15	Bxe7 69		Rxe7 78	35			55
16	64 Nd2		77 Nf6	36			56
17	Rxe7 60		Qxe7 77	37			57
18	54 c3		77 a6	38			58
19	h3 52		Re8 77	39			59
20	50 Nf3		74 Qe2	40			60
SIGNATURE (WHITE) ke chien				SIGNATURE (BLACK) chen, Yunhao			
				SIGNATURE (ARBITER) li / is			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7/24

Group
G10
Round
9

Board
23

WHITE 00 ke chien				BLACK chen, Yunhao			
#		WHITE		BLACK		#	
1	e4		e6	21	Qd2	Nd2	41
2	d4		d5	22	Re2	Rd1	42
3	Nd2		c5	23	Kf8	Kf1 Kf1	43
4	e4		e4	24	Re6	Re1	44
5	Nf3		Nf6	25			45
6	Bb5		Bd7	26			46
7	Bd7		Nbd7	27			47
8	O-O		Be7	28			48
9	dc		Nc5	29			49
10	Nb3		Nb3 Nb3	30			50
11	ab		O-O	31			51
12	Bg5		h6	32			52
13	Bh4		Re8	33			53
14	Re1		Ne4	34			54
15	Be7 Nd2		Re7	35			55
16	Nf6		Re7	36			56
17	Qe7		c3	37			57
18	a6		h3	38			58
19	Re8		Nf3	39			59
20	Qe2		Qd2 Qd2	40			60
SIGNATURE (WHITE) ke chien				SIGNATURE (BLACK) chen, Yunhao			
				SIGNATURE (ARBITER) li / is			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group C210
Round 9
Board 29

WHITE: Manat bekova. A				FED: KGZ				RESULT (W): 0.5			
BLACK: Chen Yunjia				FED: CHN				RESULT (B): 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bg7	Kg7	41	Kg7	Ke3			
2	Nf3	Nf6	22	Qe1	d3	42	b5	—			
3	Bf4	c5	23	f4	Rd8	43	g4	Rab			
4	e3	Nc6	24	Qf5	d2	44	Kd4	Ra3			
5	c3	Qb6	25	f5	Rc6	45	Kc5	Qb			
6	Qc1	cd	26	Rd1	Rd3	46	Kb4	Ra1			
7	ed	Bf5	27	g4	ads	47	Rc3	eb			
8	nd2	g6	28	h3	f6	48	g5	Kf7			
9	lvh4	130	29	et	ttf6	49	Rc7	Kf8			
10	Bd3	Bd3	30	Qc7	Rf6	50	Kc7	Kc7			
11	Nf3	O-O	31	ad7	Rd7	51	Kc7	Kd6			
12	O-O	Rc8	32	f9	hg	52	Rg7	Kc7			
13	a3	Neg	33	h3	Rb6	53	Kc6	Kc5			
14	Nes	Nx6	34	Kf6	Rb6	54	Rg8	Rh1			
15	Nf3	Nes	35	kd0	Ke2	55	Rf8	Ke5			
16	Nes	Bb5	36	Re6	—	56	Rg8	Kc5			
17	Bb5	Qb5	37	Kf2	Rd3	57	Rf8	Ke5			
18	Rd1	Nd7	38	Rd2	Rc3	58	Kc8	Rd3			
19	Rh56	Nes	39	Rd3	Rd3	59	Rd8	Ra5			
20	de	d4	40	Rd6	Rf3	60	Ra6	Kx6			
SIGNATURE (WHITE):				SIGNATURE (BLACK): Chen Yunjia				SIGNATURE (ARBITER):			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G10
Round 9
Board 24

WHITE: Manat bekova. A				FED: KGZ				RESULT (W): 1/2			
BLACK: Chen Yunjia				FED: CHN				RESULT (B): 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	C.g7	Kf:99	41	Kf:99	b5			
2	Kf3	Kf6	22	Qe1	d3	42	g4	ue6			
3	Cf4	c5	23	f4	ud8	43	Kf:99	ua3			
4	e3	Kc6	24	Qg3	f5	44	Kc5	a6			
5	c3	Qb6	25	ud1	Qf4	45	Kb6	ua1			
6	Qc1	cd	26	Qe5	h3	46	uc3	eb			
7	ed	Cf5	27	h3	f6	47	g5	Kpf4			
8	Kd2	g6	28	ef	u78	48	uc7	Kpf8			
9	Kh4	Cd7	29	Qc4	Qd7	49	uc6	Kpf7			
10	Cd3	Cg7	30	Qd4	u77	50	uc7	Kpf6			
11	Kf3	O-O	31	f9	h9	51	u97	Kpf5			
12	O-O	uc8	32	b3	ue6	52	u96	Kpf5			
13	a3	ke8	33	Kpf2	Kpf6	53	u98	u91			
14	Ke5	Kf6	34	ub2	uc6	54	uf8	Kpf5			
15	Kf3	K:es	35	Kpf2	uc6	55	u98	Kpf5			
16	K:es	Cb5	36	Kpf2	ud3	56	uf8	Kpf5			
17	C:b5	Q:b5	37	u:d2	u:C3	57	u98	u93			
18	ub1	Cn6	38	ud3	u:d3	58	ua8	u:95			
19	K:es	de	39	u:d3	uf3	59	u:a6	Kpf6			
20	u:u	u:u	40	Kp:97	u:u	60	ub6	—			
SIGNATURE (WHITE):				SIGNATURE (BLACK): Chen Yunjia				SIGNATURE (ARBITER):			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

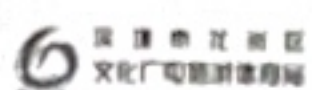


Date

Group G10
Round 9
Board 24

WHITE: Manat bekova. A				FED: CHN				RESULT (W): 0.5			
BLACK: Chen Yunjia				FED: CHN				RESULT (B): 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	R66		21			41					
2			22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE):				SIGNATURE (BLACK): Chen Yunjia				SIGNATURE (ARBITER):			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G10

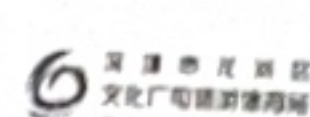
Round
9

Date
24.04.26

Board
25

WHITE				BLACK			
Ulozhenko, Victoria				Dong, Ziqi (Bj)			
FED RUS				FED CHN			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	Nf6	21	Qa4	Nas	41	
2	c4	e6	22	Qc6	Nb8	42	
3	Nf3	cb4+	23	Qa4	Nas	43	
4	Kd2	0-0	24	Qc6		44	
5	g3	d5	25			45	
6	Qc2	d c	26			46	
7	Qc4	ce4	27			47	
8	cg2	Kdb2	28			48	
9	0-0	b6	29			49	
10	Ke5	Ke5	30			50	
11	d:e	Kd5	31			51	
12	e4	Kb4	32			52	
13	a3	Kd3	33			53	
14	Kf3	Kc1	34			54	
15	Nac1	c5	35			55	
16	Ned1	Qc4	36			56	
17	Qa5	ud8	37			57	
18	ud8+	Qd8	38			58	
19	ud1	Qf8	39			59	
20	Qc6	Nb8	40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
				Dong ziqi (Bj)			
				SIGNATURE (ARBITER)			
				Wu jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
910

Round
9

Date
7.24

Board
25

WHITE				BLACK			
Ulozhenko, Victoria				Dong ziqi (Bj)			
FED RUS				FED CHN			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	Nf6	21	Qa4	Ras	41	
2	c4	e6	22	Qc6	Rb8	42	
3	Nf3	Bb4+	23	Qa4	Ras	43	
4	Nbd2	0-0	24	Qc6		44	
5	Qg3	d5	25			45	
6	Qc2	dx c4	26			46	
7	Qxc4	Be7	27			47	
8	Bg2	Nbd7	28			48	
9	0-0	b6	29			49	
10	Ne5	Nxe5	30			50	
11	dx e5	Nd5	31			51	
12	e4	Nb4	32			52	
13	a3	Nd3	33			53	
14	Nf3	Nxc1	34			54	
15	Raxc1	c5	35			55	
16	Rfd1	Qc7	36			56	
17	Qa4	Qf8	37			57	
18	Rxd8+	Qxd8	38			58	
19	Rcd1	Qf8	39			59	
20	Qcb	Rb8	40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
				Dong ziqi (Bj)			
				SIGNATURE (ARBITER)			
				Wu jin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G10

Round
9

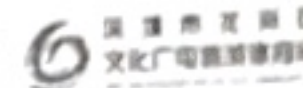
Date
24 July

Board
26

WHITE				24 July				Board 26			
BLACK				FED CHN				RESULT (W) 1			
Wu, Nan				FED SGP				RESULT (B) 0			
Chloe Lee											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc8 g7	g6	41	Qc2	h9			
2	Bf4	c5	22	Rf6	Bxg6	42	Qc2	b7			
3	03	Nf6	23	Kg7	Rc Rf8	43	Qc2	b6=Q			
4	Nf3	Bf5	24	Qf8	h3	44	Qg3	Qg3			
5	Nd2	g6	25	Ne4	Nf3	45					
6	e3	a6	26	Nd6	Qc7	46					
7	Be2	cxd5	27	Nf8	Qb8	47					
8	cxd5	Nc6	28	Qc7	Bb5	48					
9	Qc3	Qc8	29	Nc7	a4	49					
10	Rc1	Qd7	30	Nb5	Qb5	50					
11	Ne5	Be5 Ne5	31	Qc7	Qc5	51					
12	Be5	Rb8	32	Qb8	b4	52					
13	0-0	Be7	33	g5	Ne5	53					
14	Qc3	0-0	34	Rb6	b5	54					
15	Rxc1	Rxc2	35	Gc8	Qb4	55					
16	Qc2	Qb8	36	Qc8	bb	56					
17	Qb3	Qd7	37	Qb7	a6 a5	57					
18	Rc7	Qb8	38	Bc8	h3	58					
19	Qb7	Bd6	39	Bh3	gmb	59					
20	Bd6	Qab	40	Qab	Nc5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu, Nan				Chloe				Li Yis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7月24日

Group
G10

Round
9

Board
26

WHITE				BLACK					
Wu Nan				Lee, Chloe Ling En					
FED CHN				FED SGP					
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Rc8	g7	41	kg2	Qc2	
2	Bf4	c5	22	Bab	kg7	42	b7	Qf5	
3	c3	Nf6	23	Rf8	kf8	43	b8=Q	Qg5	
4	Nf3	Bf5	24	h3	Ne4	44	Qg3		
5	Nd2	e6	25	Nf3	Nd6	45			
6	e3	a6	26	Qc7	Ne8	46			
7	Be2	cd	27	Qb8	Qe7	47			
8	cd	Nc6	28	Bb5	Nc7	48			
9	Qb3	Qc8	29	a4	Nb5	49			
10	Rc1	Qd7	30	Qb5	Qc7	50			
11	Qe5	Ne5	31	Qc5	Qb8	51			
12	Be5	Rc8	32	b4	e5	52			
13	O-O	Be7	33	Ne5	Be6	53			
14	Rc3	O-O	34	b5	Qa8	54			
15	Rc1	Rc3	35	Qb4	Qc8	55			
16	Qc3	Qd8	36	b6	Qb7	56			
17	Qb3	Qd7	37	a5	Bc8	57			
18	Rc7	Qd8	38	Ncb	Bh3	58			
19	Qb7	Bd6	39	gh	Qab	59			
20	Bd6	Qd6	40	Nc5	Qe2	60			
SIGNATURE (WHITE) Wu, Nan				SIGNATURE (BLACK) chloe				SIGNATURE (ARBITER) Li Yis	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

14,0426

Group

610

Round

9

Board

27

WHITE				BLACK							
Qiu Yixuan 2014.2				Sana C. 2014.2							
FED CHN				FED TKM							
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	Nf3	Nd7	41					
2	Nf3	d5	22	Bb4	Re8	42					
3	ed	cd	23	Re5	b5	43					
4	d4	Nf6	24	B3	Pf5	44					
5	Cf4	Cg4	25	Nbd1	cb	45					
6	cc2	eb	26	P:b3	Nd7	46					
7	c3	cd6	27	Nd3	ag	47					
8	C:db	P:db	28	Ncf	NC8	48					
9	O-O	O-O	29			49					
10	Kd2	Kc6	30			50					
11	h3	Ch5	31			51					
12	Ac1	Ac8	32			52					
13	Ne1	Ka5	33			53					
14	Nb5	C:er	34			54					
15	N:er	Kc4	35			55					
16	Nd4	cd	36			56					
17	Re4	Pd5	37			57					
18	P:az	ag	38			58					
19	Pb6	al	39			59					
20	Re2	hb	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Qiu Yixuan				Sana C.				Wu Jis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.24

Group

610

Round

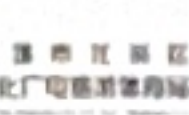
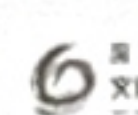
9

Board

27

WHITE				Date 7.24				Board 27			
BLACK				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
charuyeva, Anna				FED TKM				RESULT (B) 6.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	Nf3	Nd7	41					
2	Nf3	d5	22	Qb4	Re8	42					
3	ed	cd	23	Rb1	b5	43					
4	d4	Nf6	24	b3	Qf5	44					
5	Bf4	Bg4	25	Rbd1	G5cb	45					
6	Be2	eb	26	Qb3	Rd2	46					
7	c3	Bdb	27	Rd2	Ra8	47					
8	Bdb	Qdb	28	Rd1	Rc8	48					
9	O-O	O-O	29			49					
10	Nbd2	Nc6	30			50					
11	h3	Bh5	31			51					
12	Rc1	Rac8	32			52					
13	Re1	Na5	33			53					
14	Ne5	Be2	34			54					
15	Re2	Nc4	35			55					
16	Nc4	dc	36			56					
17	Qa4	Qd5	37			57					
18	Qa7	Ra8	38			58					
19	Qb6	Ra2	39			59					
20	Rd2	hb	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Qiu, Yixuan				Anna				Wu Jis			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.24

Group G10

Round

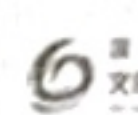
9

Board

28

WHITE Pen Yi tong				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Chen hai jing				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nd4	g6	41	Kf3	Nf5			
2	Nf3	Nc6	22	Rd4	b4 Rg6	42	Kb3	Ng5			
3	d4	ed	23	b5	Bd7	43	Kg4	Rxe1			
4	Nx d4	Nf6	24	h4	a6	44	Bd5	Kf5 Rg1			
5	Nxg6	bc	25	h5	ab	45	Kb5	Kxg6			
6	e5	Nd5	26	Ra1	b4+	46	Bc4	Kf6			
7	c4	Nb6	27	Kb2	h6	47	g4	b3			
8	Nc3	Bb4	28	Nc4	Bc6	48	Bd3	b2			
9	a4	d5	29	hxg6	f5	49	Bc4	b1=Q			
10	ed	cd	30	Ng3	Kg7	50	Bxb1	Rxb1			
11	Bd2	Nd7	31	Bxf5	Kf6	51	Kxa5	c4			
12	Bd2	Nd7	32	Bd3	Kg7	52	Ka4	c3			
13	Qe5	Qe5	33	Nc4	Tsxe4	53	Ka3	c2			
14	Qe5	Qe5	34	Bxe4	Re8	54	Ka2	c1=Q			
15	Qxe5	Nxg5	35	a6	Re7	55	g5+	Kf5			
16	Ra4	c5	36	Ree3	Ree8	56	g6	Qb2#			
17	Nc4	Bxb4	37	Rhe1	Nf5	57					
18	Kxd2	O-O	38	a7	Nxe3	58					
19	g4	Nc6	39	a8=Q	Rxa8	59					
20	Kc3	Bd3	40	Bxa8	Nxe4+	60					
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong				SIGNATURE (BLACK) Chen haijing				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.24

Group G10

Round

9

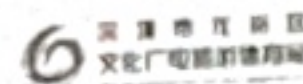
Board

28

WHITE Pan, Yitong				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Chen hai jing				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng5	g6	41	Ba8	Nc4			
2	Nf3	Nc6	22	b4	Rb8	42	Kb3	Na5			
3	d4	ed	23	b5	Bd7	43	ka4	Re1			
4	Nd4	Nf6	24	h4	ab	44	Bd5	Ra3			
5	Nc6	bc	25	h5	ab	45	Kb5	kg6			
6	e5	Nd4	26	Ra1	b4	46	Be4	kf6			
7	c4	Nb6	27	Kb2	h6	47	g4	b3			
8	Nc3	Bb5	28	Nc4	Bc6	48	Bd3	b2			
9	a4	d5	29	hg	f5	49	Be4	b1=Q			
10	ed	cd	30	Ng3	kg7	50	Bb1	Rb1			
11	a5	Nd7	31	Bf5	Kf6	51	ka5	c4			
12	Bd2	Qf6	32	Bd3	Kg7	52	ka4	c3			
13	Qe2	Qe5	33	Ne4	Bc4	53	ka3	c2			
14	Qe5	Ne3	34	Be4	RRe8	54	ka2	g5			
15	Ra4	c5	35	Rae1	Reb	55	kf5	g6			
16	Ne4	Bd2	36	ab	Re7	56	Qb2#				
17	Kd2	O-O	37	Re3	Ra8	57					
18	f4	Nc6	38	Rhe1	Nf5	58					
19	Kc3	Rd8	39	a7	Ne3	59					
20	Bd3	Nd4	40	a8=Q	Ra8	60					
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong				SIGNATURE (BLACK) Chen haijing				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24 JUN 2026

Group G10
Round 9

Board 29

WHITE				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK				FED TJK				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	eh	cs	21	lpe6	lhf5	41	kpf4	lpr2			
2	lfs	dc	22	cc4	lpe1	42	lpr4	lfr			
3	dh	cd	23	cq8	lbe	43	lpr2h	lfr			
4	ldm	lfe	24	ab	lha	44	kpf4	gx-φ			
5	lcs	ge	25	cd3	lhc	45	cc4	de4			
6	cc4	cg1	26	kpe4	lhf5	46	bc	kpb1			
7	o-o	o-o	27	lpe3	gh	47	lpr5	le3			
8	ce3	lcs	28	bs	gs	48	kph5	leg			
9	fh	lgh	29	lpr5	hh	49	lpr5	lde			
10	lcs	lcs	30	lpr4	lhc	50	lpr5	ldm			
11	kd1	ld1	31	es	kpb2	51	lpr5	lch			
12	c/a	lfr	32	lq2	kpe1	52	kpd5	lcl			
13	lfr	lcs	33	lpe3	ge	53	kpd6	ch			
14	bc	cc2	34	lq3	kpb2	54	kpd4	lbf			
15	lbr	kpf7	35	lq1	hs	55	ke7	lbf			
16	lq3	cd4	36	kpf4	lhf7	56	kpe6				
17	kpf1	ce6	37	lpr5	lpe1	57					
18	lbf	ca2	38	eh	gf	58					
19	cpc	as	39	lhf	lq1	59					
20	gf	lq5	40	kpb2	lbf	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xiao Lingyi											

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.24

Group G10
Round 9

Board 29

WHITE				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK				FED TJK				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	eh	cs	21	lpe5	kob	41	kob	lbf			
2	lfs	dc	22	lpe5	bcl	42	kob	lbf			
3	dh	cd	23	ke1	ba6	43	lfr	lbf			
4	ldm	lfe	24	lbf	ab	44	lfr	lbf			
5	lcs	ge	25	lfr	bd3	45	lfr	lbf			
6	cc4	cg1	26	lfr	lcs	46	lfr	lbf			
7	o-o	o-o	27	lfr	ke1	47	lfr	lbf			
8	ce3	lcs	28	gh	bf	48	lfr	lbf			
9	fh	lgh	29	gs	lfr	49	lfr	lbf			
10	lcs	lcs	30	lfr	ke1	50	lfr	lbf			
11	kd1	ld1	31	lfr	cs	51	lfr	lbf			
12	c/a	lfr	32	kob	lfr	52	lfr	lbf			
13	lfr	lcs	33	ke1	ke3	53	lfr	lbf			
14	bc	cc2	34	gh	lfr	54	lfr	lbf			
15	lbr	kpf7	35	lfr	lfr	55	lfr	lbf			
16	lq3	cd4	36	lfr	lfr	56	lfr	lbf			
17	kpf1	ce6	37	lfr	lfr	57	lfr	lbf			
18	lbf	ca2	38	lfr	lfr	58	lfr	lbf			
19	cpc	as	39	lfr	lfr	59	lfr	lbf			
20	gf	lq5	40	lfr	lfr	60	lfr	lbf			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xiao Lingyi											

10:00

10:43

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date

7/24

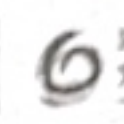
Group
G10

Round
9

Board
30

WHITE Chuangjie-an			FED TPE			RESULT (W) 0.5		
BLACK Hsing Lo-Ning			FED TPE			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxc6	Bxc6	41		
2	Nf3	eb	22	Qd2	Rb8	42		
3	d4	cxd4	23	Nd5	Bxd5	43		
4	Nxd4	Ncb	24	exd5	db	44		
5	Be3	Qc7	25	Be2	Ne4	45		
6	Be2	ab	26	Qd3	Bf3	46		
7	Nc3	Nf6	27	Ng5 Ng5	Qxf5	47		
8	a3	Be7	28	Qd7	Qxd7	48		
9	O-O	O-O	29	Rxd7	Bg4	49		
10	Qd2	b5	30	Rd8	f4	50		
11	Rac1	Be7	31	exf4	Bxf4	51		
12	Rfd1	Rfd8	32	Ne4	Kg1	52		
13	Bf3	Rac8	33	Kg1 Bf6	c3	53		
14	h3	hb	34	Bh4	Beb+	54		
15	Qe2	Kh8	35			55		
16	Kh1	Kg8	36			56		
17	Kg1	Kh8	37			57		
18	Kh1	Kh7	38			58		
19	Kg1	Kg8	39			59		
20	Kh1	c5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Chuangjie-an			SIGNATURE (BLACK) Hsing Lo-Ning			SIGNATURE (ARBITER) Lin Yun		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date

Group
G10

Round
9

Board
30

WHITE Chuangjie-an			FED			RESULT (W) 0.5		
BLACK Hsing Lo-Ning			FED			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	e5 Nxc6	Bxc6	41		
2	Nf3	eb	22	Qd2	Rb8	42		
3	d4	cxd4	23	Nd5	Bxd5	43		
4	Nxd4	Ncb	24	exd5	db	44		
5	Be3	Qc7	25	Be2	Ne4	45		
6	Be2	ab	26	f5	Bf3	46		
7	Nc3	Nf6	27	Ng5	Qxf5	47		
8	a3	Be7	28	Qd2	Qxd2	48		
9	O-O	O-O	29	Rxd2	Bg4	49		
10	Qd2	b5	30	Rd8	f4	50		
11	Rac1	Bb7	31	exf4	Bxf4	51		
12	Rfd1	Rfd8	32	Ne4	Kg1	52		
13	Bf3	Rac8	33	Bf6	c3	53		
14	h3	hb	34	Bh4	Beb+	54		
15	Qe2 Qe2	Kh8	35	Kh8		55		
16	Kh8 Kh8	Kh1	36			56		
17	Kg8 Kg8	Kg1	37			57		
18	Kh8 Kh8	Kh1	38			58		
19	Kh8 Kh8	Kg1	39			59		
20	Kg8 Kh8	Kh1	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Chuangjie-an			SIGNATURE (BLACK) Hsing Lo-Ning			SIGNATURE (ARBITER) Lin Yun		

10:43

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
24/01/26

Group
G10
Round
9
Board
31

WHITE				FED		RESULT (W)		
Ruijie yang				CHN		0		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Eleanor Wu				AUS		1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rcd1	Rc7	41	f4	Rf3
2	Nf3	nc6	22	c3	Ke7	42		
3	d4	cd4	23	Rd3	Rd8	43		
4	nd4	Nf6	24	a4	Rc4	44		
5	NC3	e5	25	Ra1	Rdc8	45		
6	Nf3	Bc4	26	Ra3	Rc5	46		
7	Bg5	Bc3	27	g4	Ra5	47		
8	bc3	Qa5	28	h4	Ra4	48		
9	Bf6	Qc3	29	Ra4	Ra4	49		
10	nd2	f6	30	kg2	Rc2	50		
11	Bc4	nd4	31	kg3	h6	51		
12	Bd3	Rg3	32	c4	a5	52		
13	O-O	Qd2	33	Rb3	Ra4	53		
14	Qd2	Nf3	34	Rb6	Rc4	54		
15	Kh2	nd2	35	Ra6	Ra4	55		
16	Rd2	b6	36	g5	hg5	56		
17	Rd2	Bb7	37	kg4	h4	57		
18	f3	Rc8	38	kg4	Ra1	58		
19	Bb5	Bc6	39	kg4	a4	59		
20	Bc6	Rc6	40	Kf5	Ra3	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Yang Ruijie			Ewu			Li Jin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7/24

Group
G10
Round
9
Board
31

WHITE Yang Ruijie				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK Wu Eleanor				FED AUS		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Rd1	Rd7	41	Rf3	
2		Nf6	22		c3	42		
3	d4	c4	23	Rd3	Rd8	43		
4		Nf6	24		a4	44		
5	Nf3	c5	25	Ra1	B8	45		
6		R8	26		R8	46		
7	Bg5	R8	27	g4	Rc5	47		
8	b6	Qc5	28	h4	Ra4	48		
9	Bf6	Rc3	29	Ra4	Rd4	49		
10		g4	30		Rc2	50		
11	Bc4	Nd4	31	kg3	h6	51		
12		Rg8	32		c4	52		
13	O-O	Qd2	33	Rb3	Rd4	53		
14		R8	34		Rd6	54		
15	Rh1	Nd2	35	Rd6	Rd4	55		
16		Rd1	36		g5	56		
17	Rd2	Bb7	37	kg4	gh	57		
18		R8	38		h4	58		
19	Bb5	Bb6	39	kg4	a4	59		
20		Rb6	40		Rc5	60		
SIGNATURE (WHITE) Yang Ruijie			SIGNATURE (BLACK) Ewu			SIGNATURE (ARBITER) Li Jin		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

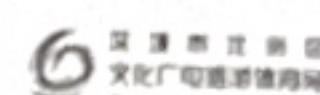


Group G10
Round 9
Board 32

Date 7.23
FED CHN
RESULT (W) 0
RESULT (B) 1

WHITE				7.23				32			
BLACK				FED CHN				RESULT (W) 0			
Hu, Yihang				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	d5	21	Re1	Rg8	41	b6	d1=Q			
2	Bb3	de	22	h3	Rxg4	42					
3	Bxe4	Nf6	23	h9	Rg8	43					
4	Nc3	Nxe4	24	f3	Rg5	44					
5	Nxe4	Bf5	25	c4	Rf5	45					
6	Qe2	Qd5	26	Re5	Rf5	46					
7	d3	e6	27	d4	Kf6	47					
8	Nf3	c6	28	Rc5	f9	48					
9	O-O	Qd8	29	Rxg5	Kxg5	49					
10	b3	Qc7	30	Kf2	g4	50					
11	Bb2	O-O	31	g4	Kf4	51					
12	Nfd2	Nd7	32	b4	h5	52					
13	Qf3	Bf6	33	a4	h4	53					
14	Bxf6	Nf6	34	Qg2	h3	54					
15	Re1	Nxe4	35	Kxh3	Kxf3	55					
16	Nxe4	Bxe4	36	d5	ed	56					
17	Rxe4	Qf6	37	cd	cd	57					
18	Qxf6	g4	38	Kh2	Qf4	58					
19	Rg4	Kh8	39	Kg1	d3	59					
20			40	b5	d2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Li, Yiyi				Hu, Yihang				Wu Yiran			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



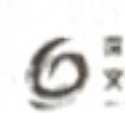
Group G10
Round 9
Board 32

Date 7月4日
FED CHN
RESULT (W) 0
RESULT (B) 1

WHITE				Date 7月4日				Board 32			
BLACK				FED CHN.				RESULT (W) 0			
Hu, Yihang				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	d5.	21	h3.	Rg4.	41	d1=Q				
2	Bd3.	de.	22	Rh9	Rg8.	42					
3	Be4.	Nf6.	23	f3.	Rg5.	43					
4	Nc3.	Ne4.	24	c4.	f5.	44					
5	Ne4.	Bf5.	25	Re5.	Kg7.	45					
6	Qe2.	Qd5.	26	d4.	Kf6.	46					
7	d3.	Qe6.	27	Rc5.	f9.	47					
8	Nf3	Qc6.	28	Rg5	Kf2 Rg5	48					
9	Qd8.	b3.	29		Kg5.L	49					
10	Be2 Be7		30	Kf2.	g4.	50					
11	Bb2	O-O.	31	g4.	Kf4.	51					
12	Nfd2.	Nd7.	32	b4.	h5.	52					
13	Qf3	Bf6.	33	a4.	h4.	53					
14	Bf6+	Nf6.	34	Kg3.	h3.	54					
15	Rfe1.	N Ne4	35	Kh3.	Kf3.	55					
16	Ne4	Bh4.	36	d5.	ed.	56					
17	Re4.	Qf6.	37	cd.	cd.	57					
18	Qf6.	g4.	38	Kh2.	Qf4.	58					
19	Rg4.	Kh8.	39	Kg1.	b5.	59					
20	Re1.	Rg8.	40	d2.	b6.	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Li, Yiyi				Hu, Yihang				Wu Yiran			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

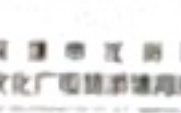
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/10/26Group
G10
Round
09Board
33

WHITE			BLACK			WHITE			BLACK		
Alaya Azmia Latheef			Tang Joyce			MDV			TPE		
FED MDV			FED TPE			RESULT (W)			RESULT (B)		
0			1			#			#		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne4	Ng6	41	Wd2	f3			
2	Nf3	e6	22	Nc5	Nf4	42	Ke2	Ng1			
3	d3	Nc6	23	Bf1	Nf4	43	Ke1	Cxb5			
4	Nc3	Qc7	24	Nd3	Nxd3	44	g4	g3			
5	Qd2	Nf6	25	Rd2xd3	Bb2	45	bxa6	Ng1			
6	Qf4	Qxh4	26	Bg2	Ng6	46	Bb5	bxab			
7	Bxf4	a6	27	Ne1	Bxg2	47	g3	g4			
8	O-O-O	Ng4	28	Bxg2	Nee5	48	g3	Ng1			
9	Rd2	Be7	29	Rd1	Nxg4	49	bxab	e2			
10	Bg3	O-O	30	Ne3	Nxc2	50	Ng1	f2			
11	h3	Nf6	31	Rxd7	Nxd1	51	Ke1	f1=Q			
12	Bh4	h6	32	Rxd1	Rxd1	52					
13	g4	Nh7	33	Nxd1	Kh7	53					
14	Bxh7	Nxg7	34	b3	Ne3	54					
15	Be2	B5	35	Ne2	Ng4	55					
16	d4	Cxd4	36	Nc6	Ng6	56					
17	Rxd4	d8	37	Ne2	Nxh6	57					
18	Rd1	Nc6	38	Ne3	Ne4	58					
19	Rd6	Ne7	39	h4	Ne3	59					
20	e5	Nf8	40	Nf5	C4	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
24/10/26Group
G10
Round
9Board
33

WHITE			BLACK			WHITE			BLACK		
Alaya Azmia Latheef			Tang Joyce			MDV			TPE		
FED MDV			FED TPE			RESULT (W)			RESULT (B)		
0			1			#			#		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne4	Ng6	41	Kf3	e5			
2	Nf3	e6	22	Nc5	Nf4	42	Ke4	h4			
3	d3	Nc6	23	Rdd2	Nxb3	43	Kf3	Kf5			
4	Nc3	Qc7	24	Bf1	Nf4	44	c4	e4+			
5	Qd2	Nf6	25	Nd3	Nxd3+	45	Kg2	f3+			
6	Qd2 Qf4	Qxf4	26	Rdxds	Bb7	46	Kf2	Kf4			
7	Bxf4	a6	27	Bg2	Ng6	47	Kg1	e3			
8	O-O-O	Ng4	28	Ne1	Bxg2	48	Kf1	g4			
9	Rd2	Be7	29	Nxg2	Nxe5	49	Cxb5	g5			
10	Bg3	O-O	30	Rd1	Nxg4	50	bxg6	e2+			
11	Oh3 Nf6		31	Ne3	Nxf2	51	Kg1	f2+			
12	Bh4	h6	32	Rxd7	Nxd1	52	Kh1	f1=Q			
13	Ng4 Nh7		33	RxA1	Rxd1+	53					
14	Bxe7	Nxe7	34	Nxd1	Kh7	54					
15	Be2	b5	35	b3	g5	55					
16	Cxd4 cxd4		36	Ne3	f5	56					
17	Rxd5	Rd8	37	Kd2	f4	57					
18	Rhd1	Nc6	38	Ng4	h5	58					
19	Rd6	Ne7	39	Nf6+	Kg6	59					
20	e5	Nf8	40	Ke2	Kxf6	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/24

Group G10

Round 9

Board 34

WHITE Seol Yunseo			FED Kor			RESULT (W) 1/2		
BLACK Gong, Yinnuo			FED Chn			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ree7	Rxe7	41		
2	Nf3	Nc6	22	Rxe7	Rd8	42		
3	d4	exd4	23	kf1	Rd2	43		
4	Nxd4	Nxd4	24	Re2	Rd1	44		
5	Qxd4	db	25	Re1	Rd2	45		
6	Bc4	Nf6	26	Rc1	Rd7	46		
7	Nc3	Be6	27	ke2	Re7	47		
8	Bb3	g6 g6	28	kf1	Rd7	48		
9	O-O	Bg7	29	ke2	Re7	49		
10	Bg5	cb	30	kf1	Rd7	50		
11	e5	dxe5	31	ke2	Re7	51		
12	Qxe5	O-O	32	kf1		52		
13	Bxe6	fxe6	33			53		
14	Qxeb	kh8	34			54		
15	Rad1	Qe8	35			55		
16	Rfe1	Qc8	36			56		
17	Qxc8	Raxc8	37			57		
18	Bxf6	Bxf6	38			58		
19	Rd7	Bxc3	39			59		
20	bxc3	Rfe8	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>Seol Yunseo</i>			SIGNATURE (BLACK) Gong, Yinnuo			SIGNATURE (ARBITER) <i>Li Jin</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

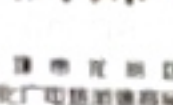
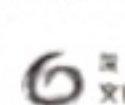
Group G10

Round 9

Board 34

WHITE Seol, Yunseo			FED			RESULT (W) 0.5		
BLACK Gong, Yinnuo			FED			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Rd2	41		
2	Nf3	Nc6	22	ke2	Re7	42		
3	d4	exd4	23	Kf1	Rd7	43		
4	Nxd4	Nxd4	24	Re2 ke2	Re7	44		
5	Qxd4	db	25	Rf1	Rd7	45		
6	Bc4	Nf6	26	Re2 ke2	Re7	46		
7	Nc3	Bg7	27	kf1		47		
8	Re2 Bg5	cb	28			48		
9	e5	dxe5	29			49		
10	Qxe5	O-O	30			50		
11	Bxe6	fxe6	31			51		
12	Qxeb	kh8	32			52		
13	Rd1	Qe8	33			53		
14	Re1	Qe8	34			54		
15	Qxc8	Raxc8	35			55		
16	Rd7	Bxc3	36			56		
17	bxc3	Re7 Re7	37			57		
18	Re1	Re7 Re7	38			58		
19	Rxe7	Rd8 Rd8	39			59		
20	Re2	Rd1	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>Seol Yunseo</i>			SIGNATURE (BLACK) Gong, Yinnuo			SIGNATURE (ARBITER) <i>Li Jin</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24/7/26

Group G-10
Round 9
Board 35

WHITE Alaya Adam Ibrahim				FED MDV				RESULT (W) 0			
BLACK Tran Minh Anh				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Rb7	Rxc5	41	Ra5	Rd4			
2	ends	Qxg5	22	Rb7	Rxc2	42	Rb4	R2			
3	Nc3	Qe2	23	Rxa7	Rb8	43	Rc4	h1-Q			
4	Qxg2	QxDe7	24	Rb7	RxR	44	h3	Qa5			
5	Bxe2	Nxb6	25	RxR	h5	45	Kc4	d2			
6	Nf3	Nc6	26	f3	Rcl+	46	Kc5	Qcl+			
7	O-O	Bg4	27	tf2	Re2	47	h3	Ql=R			
8	e6d4	e6	28	Kf1	d73	48	Kc7	Qc6			
9	Bc3	Bb4	29	Kc1	Rc2+	49	Kc8	Rg3			
10	Rel	BxNf5	30	Kd2	Rag2	50	Rc8	Qc2			
11	BxB	BxN	31	g4	Rg1b	51					
12	bxN	Rb1	32	Ka2	RH7	52					
13	O-O	Bxb7	33	Ra8	bh7	53					
14	NxB	RxN	34	Ra8	Rxh4	54					
15	Bf4	Nd5	35	g5	Rh2+	55					
16	c4	NxB	36	Ka1	Rh1	56					
17	h4	c5	37	Kd2	Ra1	57					
18	Qb6	cxb4	38	g6	Rxa8	58					
19	c5	Rxc5	39	Rc8	R1	59					
20	Rd8+	Rc8	40	Rb5	F6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G-10
Round 9
Board 35

WHITE Alaya Adam Ibrahim				FED MDV				RESULT (W) 0			
BLACK Tran Minh Anh				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ae	d5	21	b8	c8	41	d4	4h			
2	d5	d5	22	b4	e5	42	b4	h3			
3	c3	e5	23	b7	c2	43	p4	h2			
4	e2	e2	24	a7	c8	44	f5	1h			
5	e2	c6	25	a7	d7	45	c3	d1			
6	f3	f6	26	d7	h5	46	c4	d2			
7	O-O	4g	27	f2	c2	47	c5	d1			
8	d4	c6	28	f2	d3	48	d6	c6			
9	e2	b4	29	d1	g2	49	f8	a7			
10	e1	3f	30	4a	g1	50	c8	c8			
11	3f	h3	31	d2	h1	51					
12	d4	d5	32	a8	h7	52					
13	b1	O-U	33	d8	h4	53					
14	b7	b7	34	5d	h2	54					
15	b7	c8	35	d1	h1	55					
16	4f	d5	36	d2	1a	56					
17	c4	4a	37	a6	q6	57					
18	4h	c5	38	b8	58	58					
19	b1	d4	39	b5	a1	59					
20	c5	c5	40	d5	f8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			